

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 043.8572.764

Fax: 043.8572.751

Website: www.psc1.com

Báo cáo thường niên

2016



THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và người lao động,

Năm 2016 trôi qua với nhiều diễn biến khó lường của tình hình thế giới và trong nước. Trên phạm vi toàn cầu, những bất ổn về chính trị tại các nền kinh tế đầu tàu hay các cuộc xung đột khu vực có xu hướng gia tăng đã tác động xấu đến các vấn đề kinh tế – tài chính. Kinh tế Việt Nam trong năm qua cũng gặp phải rất nhiều khó khăn. Bên cạnh những khó khăn chung từ nền kinh tế thế giới, Việt Nam còn phải đối mặt với các vấn đề trong quá trình thay đổi mô hình phát triển, khắc phục hậu quả thiên tai hay các sự cố về môi trường. Theo tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 là 6.21% thấp hơn mức 6.68% năm 2015 và mức kế hoạch đặt ra đầu năm là 6.7%.

Ngành Bảo vệ thực vật của Việt Nam cũng phải trải qua một năm với nhiều thách thức: Biến đổi khí hậu gây nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan bất thường, các quy luật về phát sinh sâu bệnh và dịch hại trên cây trồng theo mùa vụ thay đổi thất thường, các quy định của pháp luật liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật có hiệu lực thực hiện nhưng bộc lộ nhiều bất cập... Các yếu tố trên tác động khá lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Từ bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành, hoạt động kinh doanh của Công ty năm qua cũng gặp nhiều yếu tố không thuận lợi. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2016 Công ty đã có được những kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu đạt hơn 482.4 tỷ đồng, giảm 10.72% so với năm 2015. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng trưởng, đạt 10.65 tỷ đồng, tăng 6.33% so với năm 2015 và đạt 105.85% so với kế hoạch đặt ra đầu năm.

Năm 2017 tiếp tục sẽ là một năm đầy khó khăn và thử thách. Vì vậy mục tiêu hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2017 sẽ là cố gắng giữ ổn định mức lợi nhuận, phấn đấu trong năm 2017 đạt mức doanh thu 468.88 tỷ đồng và trả cổ tức 16% cho quý cổ đông.

Thay mặt lãnh đạo Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong suốt hơn 30 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ quý vị. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DẶNG VĂN THÔNG

NỘI DUNG BÁO CÁO

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng
Rủi Ro

1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

13

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2016
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính năm 2016
Đánh giá thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2016
Kế hoạch hoạt động năm 2017

28

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành
Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành
Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

37

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị
Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BDH

43

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đánh giá về trách nhiệm bảo vệ môi trường
Mục tiêu phát triển bền vững
Chi tiết các chỉ tiêu phát triển bền vững

49

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

55



THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch : **Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

Tên tiếng Anh : Central Plant Protection Joint Stock Company No.1

Giấy chứng nhận : Số 0100101611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

đăng ký doanh nghiệp số : cấp lần đầu ngày 05 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4, ngày 07 tháng 7 năm 2016

Vốn điều lệ : 52.500.000.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 52.500.000.000 VNĐ

Địa chỉ : Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa,
: Tp. Hà Nội

Số điện thoại : 043.8572.764

Số fax : 043.8572.751

Website : www.psc1.com

Mã cổ phiếu : BT1

Quá trình hình thành và phát triển

1985

Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 được thành lập theo Quyết định số 403-QĐ/BNN-TCCB ngày 26 tháng 11 năm 1985 của Bộ Nông nghiệp. Giai đoạn này Công ty trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật và có ba chi nhánh:

- Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 1 đóng tại Đà Nẵng.
- Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 2 đóng tại TP. HCM
- Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 3 đóng tại Hải Phòng

1992

Ngày 18/06/1992 Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm ra quyết định số 163 /NN /TCCB /QĐ tách Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 thuộc Cục bảo vệ thực vật về trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

1993

Ngày 06 tháng 01 năm 1993 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và CNTP (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành Quyết định số 08 NN -TCCB/QĐ ngày 6/1/1993 thành lập doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1; Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 1 Đà Nẵng; Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 3 Hải Phòng; Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Thanh Hoá; Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Hà Tĩnh; Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại TP. Hồ Chí Minh; Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Hưng Yên.

Ngày 24/02/2004 Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Quyết định số 415/QĐ/BNN-TCCB cho phép Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 10/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

2004

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 3112 QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10 tháng 11 năm 2005 về việc chuyển Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 thành Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

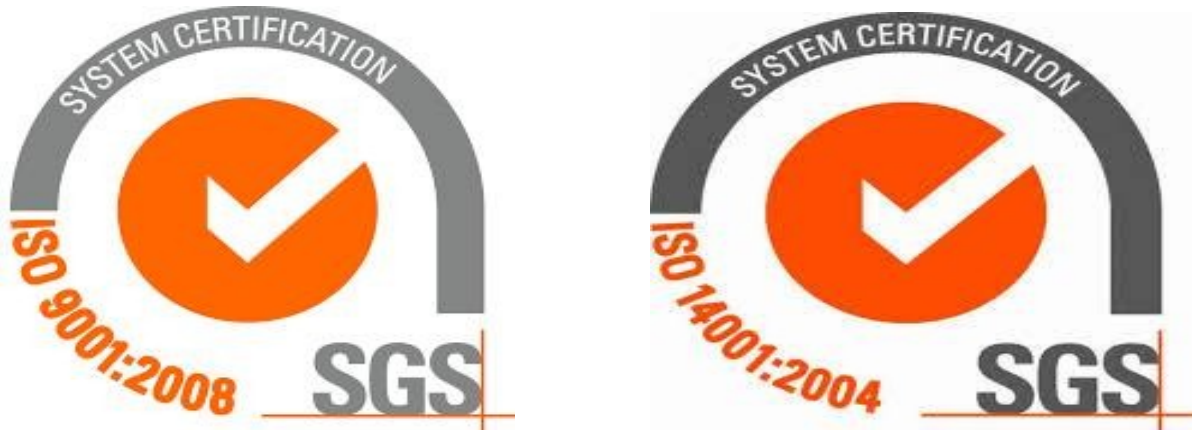
2005

Sau khi cổ phần hoá, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã phát triển không ngừng. Hiện nay, với 9 Chi nhánh và 8 Tổ bán hàng, Công ty đã thiết lập được Hệ thống phân phối trải dài khắp trên cả nước.

2006

Các thành tích đạt được

Công ty đạt tiêu chuẩn Quản lý sản xuất và cung ứng theo Hệ thống quản lý chất lượng – Môi trường: ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004.



Và một số giải thưởng tiêu biểu khác



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



Địa bàn kinh doanh:

Sau khi cổ phần hoá, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã phát triển không ngừng. Hiện nay, với 9 Chi nhánh và 8 Tổ bán hàng, Công ty đã thiết lập được Hệ thống phân phối trải dài khắp trên cả nước.

- 1 Chi nhánh Hải Phòng
- 2 Chi nhánh Phía Bắc
- 3 Chi nhánh Thừa Thiên Huế
- 4 Chi nhánh Đà Nẵng
- 5 Chi nhánh Nam Trung Bộ
- 6 Chi nhánh Phú Yên
- 7 Chi nhánh Quảng Ngãi
- 8 Chi nhánh Tây Nguyên
- 9 Chi nhánh Phía Nam
- 10 Tổ Bán hàng khu vực I
- 11 Tổ Bán hàng khu vực II
- 12 Tổ Bán hàng khu vực III
- 13 Tổ Bán hàng khu vực IV
- 14 Tổ Bán hàng khu vực V
- 15 Tổ Bán hàng khu vực VI
- 16 Tổ Bán hàng khu vực VII
- 17 Tổ Bán hàng khu vực VIII

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.
- Xuất nhập khẩu vật tư bảo vệ thực vật, phân bón, nông sản.
- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng...

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

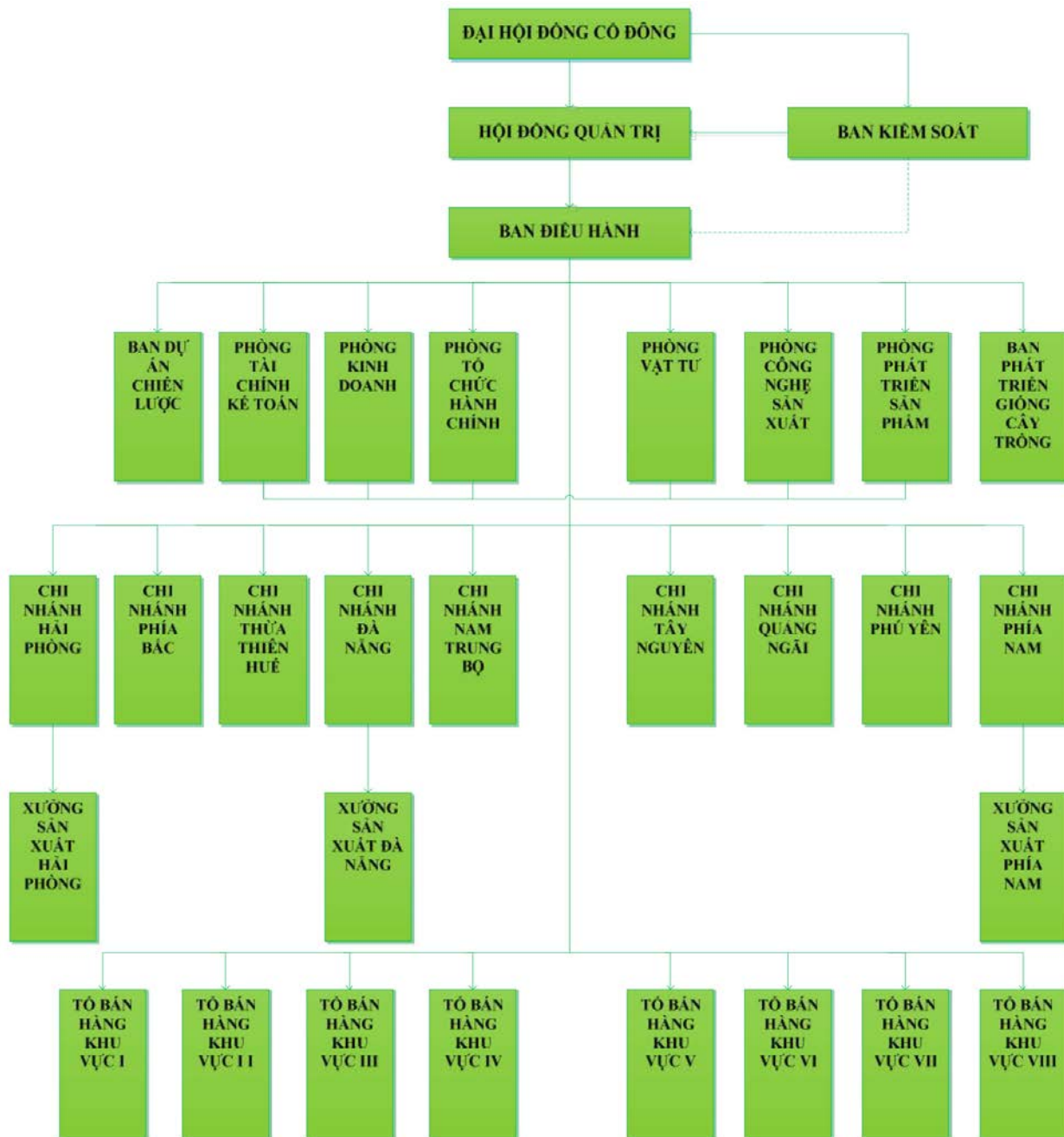
Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.



- Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty cho các năm tiếp theo. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Hội đồng quản trị:** Gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh các cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 năm và được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi hết nhiệm kỳ.
- Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát là tổ chức có chức năng và nhiệm vụ thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Ban Điều hành Công ty:**
 - Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp Luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 - Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty hiện không có các công ty con và công ty liên kết.



Định hướng

"Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà"

**Phương
châm**

Mục tiêu phát triển bền vững

Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương luôn là địa chỉ tin cậy của bà con nông dân, của các đối tác trong và ngoài nước, của Quý bạn hàng. Với phương châm "Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam xanh, sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà" Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đề ra các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Sản xuất, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, điều hoà sinh trưởng cây trồng chất lượng cao, an toàn với con người, cây trồng và môi trường.
- Đảm bảo lợi ích hợp pháp, chính đáng của bà con nông dân, các đối tác và của Quý bạn hàng.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo sức khoẻ và an toàn cho người lao động, đảm bảo môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng có năng suất và hiệu quả cao.



Mục tiêu phát triển trung và dài hạn

Về sản xuất kinh doanh:

- Ổn định và cung ứng nguyên liệu sản xuất. Công ty chủ động trong việc duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác kinh doanh với các nhà cung cấp lâu năm, gắn bó với công ty cũng như mở rộng, đa dạng hóa nguồn cung ứng hàng đầu vào; xây dựng cơ sở sản xuất nhằm mở rộng kinh doanh, tăng tính chủ động trong việc quản lý nguồn cung.
- Ổn định bộ máy tổ chức của công ty tinh gọn và hiệu quả, đào tạo đội ngũ nhân lực.
- Củng cố và mở rộng hệ thống kênh phân phối gồm hệ thống Chi nhánh, Tổ bán hàng Khu vực, Khách hàng cấp 1, khách hàng cấp 2. Phân phối sản phẩm mang tính chuyên nghiệp nhằm giữ vững và mở rộng thị phần. Đẩy mạnh khâu tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu thông qua việc tích cực tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các cuộc triển lãm, hội chợ, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng...
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh trên cơ sở tận dụng kênh phân phối sẵn có của công ty.

Về tài chính:

- Tăng cường công tác quản lý tài chính của Công ty, quản lý sử dụng các nguồn vốn hợp lý, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Về tổ chức bộ máy hoạt động:

- Cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc sắp xếp bộ máy tổ chức tinh gọn, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của công ty.

Rủi ro

- **Rủi ro kinh tế**

Năm 2016, năm đầu cả nước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, hoạt động của thị trường hàng hóa kém sôi động, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu và thu ngân sách Nhà nước.

Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ dấu hiệu khởi sắc của năm 2016, kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu. Rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc, tình trạng hạn hán tại Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và xâm nhập mặn nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống nhân dân.



Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2016 đạt 6,21% không đạt kế hoạch đề ra từ đầu năm là 6,7%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn tương đối tốt nếu so với những khó khăn trong năm qua đối với nền kinh tế.

- **Rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm những tác động của lĩnh vực ngân hàng như: Lãi suất tiền vay, lãi suất tiền gửi tăng giảm và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ ảnh hưởng đến lợi nhuận. Ngoài ra, thị trường tài chính Việt Nam hiện đang có nhiều biến động khá lớn, ví dụ lãi suất tín dụng ở mức cao trong thời gian gần đây và giảm chậm trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng huy động vốn phục vụ nhu cầu ngắn hạn và chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp, tỷ giá hối đoái (PSC.1 phải nhập khẩu nguyên liệu nên tỷ giá hối đoái ảnh hưởng tương đối lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh) tăng giảm là khó đoán trước vì vậy sẽ có nhiều thách thức cho công tác quản trị tài chính của Công ty.

Công nợ với khách hàng trong thời gian qua và sự cạnh tranh thương mại giữa các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt, hệ thống khách hàng trung gian thường mua hàng trả chậm hoặc yêu cầu doanh nghiệp phải gửi hàng trước. Vì vậy sắp tới vẫn phải đầu tư tín dụng cho các đại lý mua hàng (khách hàng trung gian), bởi các doanh nghiệp không thể đầu tư xây dựng hệ thống phân phối trực tiếp đến người nông dân, phải thông qua các khách hàng trung gian. Việc đại lý nợ nhiều ngoài rủi ro khó thu hồi còn làm việc tiếp tục bán hàng cho kênh phân phối này có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến tiến độ bán hàng.

- **Rủi ro pháp luật**

Từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các quy định đặc thù về ngành nghề kinh doanh. Vì vậy những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Các hiệp định đa phương và song phương giữa nước ta và các nước khác đem lại cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước trong một số lĩnh vực ngành nghề nhưng cũng đem lại rất nhiều những thách thức nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp liên quan đến chăn nuôi, trồng trọt. Việt Nam sẽ bước vào sân chơi chung của quốc tế, do đó luật pháp của Việt Nam cũng phải có những điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng chung của thị trường và luật quốc tế. Điều đó sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty trong giai đoạn hội nhập này.

- **Rủi ro cạnh tranh**

Các đối thủ cùng ngành nghề đang cạnh tranh quyết liệt để giành giật thị trường. Do vậy khi sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh thu hút được sự quan tâm của khách hàng sẽ làm giảm khả năng phân phối sản phẩm Công ty. Đồng thời mỗi công ty đều có những chiến lược bán hàng khác nhau như: Giá cả sản phẩm, chính sách khuyến mại, tín dụng nợ với đại lý trung gian, quảng bá, tiếp thị... Tất cả những yếu tố này có thể gây ra những khó khăn nhất định cho Công ty.

Trên thế giới các công ty đa quốc gia có thể sáp nhập với các công ty trong nước, hoặc trực tiếp kinh doanh phân phối, hoặc giao những sản phẩm cho các đối thủ cạnh tranh,... cũng gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.



- **Rủi ro đặc thù ngành**

(Rủi ro kinh doanh và rủi ro biến động nguồn nguyên vật liệu)

- **Nhà cung cấp:** Hiện nay công ty đang kinh doanh phân phối các sản phẩm mang nhãn hiệu của một số công ty nước ngoài; trong điều kiện cụ thể nào đó công ty không thể đáp ứng được các yêu cầu của đối tác, dẫn đến nhà cung cấp có thể không tiếp tục giao cho công ty kinh doanh phân phối các sản phẩm của họ do đó có thể ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh
- **Nguyên vật liệu chính, phụ:** Bị ảnh hưởng bởi tình hình thế giới. Hiện nay trong lĩnh vực hóa chất bảo vệ thực vật trên 95% nguồn nguyên liệu chính phải nhập khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu thực hiện chế biến, sang chai, đóng gói nhỏ; chưa có nhiều nhà máy trực tiếp sản xuất ra nguyên liệu thuốc trừ sâu từ hóa chất cơ bản (Công ty liên Doanh sản xuất Kosvida chỉ mới sản xuất được vài loại nguyên liệu, với công suất nhỏ không đáp ứng đầy đủ). Do vậy nguồn nguyên vật liệu chính phụ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài.
- **Những nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh** như quy hoạch kinh tế vùng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thay đổi làm cho thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thay đổi; thời tiết khí hậu, dịch hại bất thường tác động đến khả năng tiêu thụ sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật; giá cả nông sản cao hoặc thấp sẽ làm tăng hoặc giảm nguồn đầu tư của nông dân.



- **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro thiên tai (hạn hán, bão lũ), Biến động giá cả, Sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



CÂY LÚA



RẦY NÂU



RẦY LƯNG TRẮNG



RẦY XANH ĐỤC ĐẸN



BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2016



RỆP SÁP GÂY HẠI



RỆP SÁP



CÂY BỊ

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2016, quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã đạt được những thành quả như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2015 | TH 2016 | TH 2016/ |
|----------------------------------|-------------------|----------------|----------------|----------------|
| | | | | TH 2015 |
| Tổng doanh thu | triệu đồng | 540,327 | 482,400 | 89.28% |
| Tổng chi phí | triệu đồng | 527,699 | 468,990 | 88.70% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | triệu đồng | 12,628 | 13,410 | 106.20% |
| Thuế TNDN | triệu đồng | 2,849 | 2,760 | 96.84% |
| Nộp ngân sách | triệu đồng | 25,379 | 24,009 | 94.60% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | triệu đồng | 10,017 | 10,650 | 106.33% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 1.908 | 2.029 | 106.33% |

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng (536 tỷ đồng, chiếm hơn 99%).

Năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn: Sự thay đổi nhanh chóng các văn bản của nhà nước có liên quan đến sản xuất kinh doanh thuốc BVTV; đặc biệt do một số dịch hại trên cây lúa (bệnh đạo ôn, rầy nâu, sâu cuốn lá...) ít xuất hiện nên một số sản phẩm có lợi nhuận cao không tiêu thụ được nhiều trong khi chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao. Tuy nhiên do Công ty mở rộng thêm lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống cây trồng; đồng thời với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT và Ban Điều hành cùng với sự nhiệt tình, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 vẫn vượt kế hoạch đề ra: Tổng doanh thu đạt hơn 482.4 tỷ đồng giảm 10.72% so với năm 2015. Nhưng lợi nhuận trước thuế tăng 6.62% so với kế hoạch và tăng 6.2% so với năm 2015.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2016 | TH 2016 | TH 2016/ KH 2016 |
|--------------------|------------|---------|---------|---------------------|
| Doanh thu thuần | triệu đồng | 435,356 | 482,400 | 110.81% |
| Lợi nhuận sau thuế | triệu đồng | 10,062 | 10,650 | 105.85% |
| Mức cổ tức | % | 16 | 16 | 100.00% |

So với kế hoạch đề ra, BT1 đã hoàn thành mục tiêu doanh thu với doanh thu của Công ty đạt tỷ đồng, vượt trên 10% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã đề ra. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hoàn thành mục tiêu đề ra với giá trị 10.65 tỷ đồng.

Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban quản trị

- Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------|-----------------|--------------------|------------------|
| 1 | Đặng Văn Thông | Chủ tịch HĐQT | 886,075 | 16.88 |
| 2 | Đỗ Đức Cơ | Phó CT HĐQT | 130,714 | 2.49 |
| 3 | Nguyễn Ngọc Long | Thành viên HĐQT | 97,860 | 1.86 |
| 4 | Vũ Thiện Giáo | Thành viên HĐQT | 33,775 | 0.64 |
| 5 | Phan Văn Tùng | Thành viên HĐQT | 43,712 | 0.83 |



Ông **Đặng Văn Thông**
 Chủ tịch HĐQT kiêm
 Tổng giám đốc
 20/10/1964
 Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông học, Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 6/1991 - 3/1993: Nhân viên Trung tâm kiểm định hóa chất bảo vệ thực vật, Cục bảo vệ thực vật.
 - 4/1993 - 6/1995: Nhân viên Phòng Kỹ thuật, Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
 - 7/1995 - 8/1996: Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật Công ty
 - 9/1996 - 5/1998: Phó Phòng Thị trường Công ty
 - 6/1998 - 3/2002: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty
 - 7/2003 - 6/2006: Quyền Giám Đốc Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
 - 7/2006 – nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.





Ông Đỗ Đức Cơ
Phó CT HĐQT kiêm
Phó Tổng giám đốc
21/10/1962
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh học, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 8/1984 - 4/1993: Kỹ sư, Cục bảo vệ thực vật
 - 5/1993 - 6/1994: Kỹ sư Phòng Kỹ Thuật, Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
 - 7/1994 - 2/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
 - 3/2002 - 6/2006: Phó Giám Đốc Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1.
 - 7/2006 - 4/2016: Ủy viên thường trực HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần BTVT 1 Trung ương
 - 5/2016 - nay: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần BTVT 1 Trung ương



Ông Nguyễn Ngọc Long
Ủy viên HĐQT,
Giám Đốc chi nhánh
Hải Phòng của Công ty
28/06/1960
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh học
- Quá trình công tác:
 - 1978 - 1980: Chiến sỹ thuộc P3 E95 F307 Quân khu 5
 - 1980 - 1983: Học viên trường Sĩ Quan lục quân 1 (K39)
 - 1983 - 1984: Trung úy, đại đội phó C3 D6 E29 F345 Quân khu II
 - 1984 - 1985: Trung úy, học viên tiểu đoàn Giáo viên Trường Sĩ quan Lục Quân I
 - 1985 - 1988: Thượng úy, Giáo viên khoa chiến thuật trường Sĩ quan Lục quân I
 - 1988 - 7/1993: Công nhân Xí nghiệp In Thông tấn Xã Việt Nam
 - 8/1993 - 1/2004: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
 - 2/2004 - 6/2006: Giám Đốc chi nhánh Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 3 Hải Phòng
 - 7/2006 - 3/2014: Ủy viên HĐQT, Giám Đốc chi nhánh Hải Phòng thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
 - 4/2014 - nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng Phòng Vật tư kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải phòng, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.



Ông Vũ Thiện Giáo
Ủy viên HĐQT -
Trưởng phòng Công
nghệ Sản xuất của
Công ty
08/07/1961
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Quá trình công tác:
 - 2/1986-3/1991: Cán bộ nghiên cứu nông dược Viện Hóa học Công Nghiệp
 - 4/1991 - 7/1995: Cán bộ nghiên cứu Công ty Thuốc Sốt Trùng Việt Nam
 - 8/1995 - 3/1997: Phụ trách Phòng nghiên cứu tại Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sốt trùng Việt Nam
 - 4/1995 - 8/1999: Phó Phòng nghiên cứu tại Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sốt trùng Việt Nam
 - 9/1999 - 3/2002: Phụ trách nghiên cứu phát triển sản phẩm, Trưởng phòng Kỹ thuật, Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sốt trùng Việt Nam
 - 4/2002 - 12/2006: Quản lý kỹ thuật sản xuất Chi nhánh 1 Hà Nội Công ty thuốc sốt trùng Việt Nam
 - 1/2007 - 6/2009: Trưởng phòng Kế Hoạch Chi nhánh 1 Công ty thuốc sốt trùng Việt Nam
 - 7/2009 - nay: Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Công nghệ Sản xuất, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.



Ông Phan Văn Tùng
Ủy viên HĐQT, Tổ
trưởng Tổ bán hàng
khu vực IV của Công ty
10/12/1977
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Bảo vệ thực vật
- Quá trình công tác:
 - 01/2001 - 6/2005: Cán bộ chi nhánh Hà Tĩnh – Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
 - 07/2005 – 11/2008: Cán bộ phòng Phát triển sản phẩm công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
 - 12/2008 – 4/2016: Tổ trưởng Tổ bán hàng khu vực IV – Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
 - 5/2016 – Nay: Thành viên HĐQT, Tổ trưởng Tổ bán hàng khu vực IV – Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương



• **Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-----------------------|--------------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Ông Lê Ngọc Diệp | Trưởng Ban Kiểm soát | 12,345 | 0.235 |
| 2 | Ông Trần Văn Biên | Thành viên Ban Kiểm soát | 32,000 | 0.609 |
| 3 | Bà Vũ Thị Thanh Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát | 74,505 | 1.419 |



Ông **Lê Ngọc Diệp**
Trưởng Ban kiểm soát
Công ty
17/08/1986
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 01/2010 - 8/2015: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
 - 9/2015 – 4/2016: Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh Tây Nguyên thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
 - 5/2016 – đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.



Ông **Trần Văn Biên**
Thành viên BKS Công ty
05/01/1954
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 12/1970–8/1979: Bộ đội
 - 9/1979 – 5/1984: Sinh viên Học viện Tài chính Kế toán
 - 6/1984 – 2/1996: Kế toán tổng hợp Liên hiệp Xí nghiệp gia cầm Việt Nam
 - 3/1996- 7/2003: Kiểm soát viên Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam
 - 8/2003 – 3/2013: Chuyên viên chính Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp (nay là Vụ doanh nghiệp) Bộ Nông nghiệp – PTNT.
 - 4/2013 - nay: Nghỉ hưu, Thành viên BKS Công ty CP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương



**Bà Vũ Thị Thanh
Huyền**

Thành viên BKS,
Kế toán viên Phòng Tài
chính Kế toán
22/8/1963
Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1/1981 – 5/1981: Công nhân Trại rau quả hữu nghị Gia Lâm, Hà Nội.
 - 6/1981-11/1985: Đi lao động nâng cao tay nghề tại Tiệp Khắc
 - 12/1985 - 11/1988: Nhân viên Phòng Vật tư, Cục Bảo vệ thực vật
 - 12/1988 – 5/2006: Nhân viên Phòng Tài vụ, Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1
 - 6/2006 - nay: Kế toán viên Phòng Tài chính Kế toán thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 TW, Thành viên BKS.

• Ban giám đốc

- Ông **Đặng Văn Thông** – Tổng giám đốc
(Sơ yếu lí lịch của được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)
- Ông **Đỗ Đức Cơ** - Phó Tổng giám đốc
(Sơ yếu lí lịch của được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)

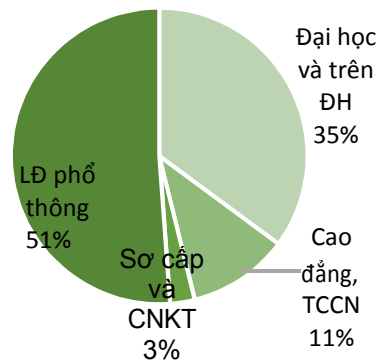
Những thay đổi nhân sự trong năm 2016

Căn cứ nghị quyết số: 03/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 27/06/2016 về việc bổ nhiệm người phụ trách kế toán Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương: bà Lương Thị Tú kể từ ngày 01/07/2016.

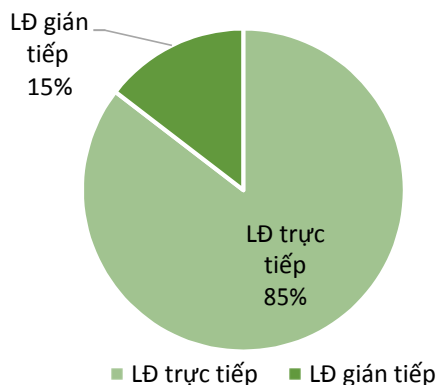
Thống kê nhân sự:

| Tiêu chí | Số lượng 2015 (người) | Tỷ trọng 2015 (%) | Số lượng 2016 (người) | Tỷ trọng 2016 (%) |
|--|-----------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|
| Theo trình độ lao động | | | | |
| Trình độ Đại học và trên Đại học | 112 | 35.56% | 118 | 35.12% |
| Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 35 | 11.11% | 37 | 11.01% |
| Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 4 | 1.27% | 9 | 2.68% |
| Lao động phổ thông | 164 | 52.06% | 172 | 51.19% |
| Theo đối tượng lao động | | | | |
| Lao động trực tiếp | 217 | 68.89% | 287 | 85.42% |
| Lao động gián tiếp | 98 | 31.11% | 49 | 14.58% |
| Theo giới tính | | | | |
| Nam | 242 | 76.83% | 261 | 77.68% |
| Nữ | 73 | 23.17% | 75 | 22.32% |
| Tổng | 315 | 100.00% | 336 | 100.00% |

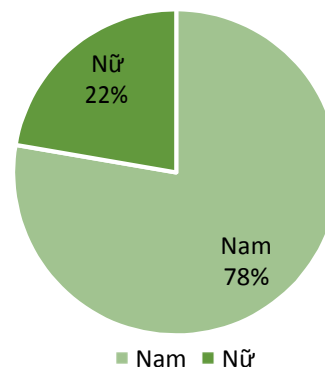
Trình độ lao động



Đối tượng lao động



Tỷ lệ nam nữ



Chính sách đối với người lao động

• Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và hội nhập, Công ty coi lực lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Doanh nghiệp cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; các kiến thức nền tảng, kỹ năng cứng liên quan tới công việc chuyên ngành; kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống...

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển tố chất lãnh đạo. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn. Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên thích hợp, loại bỏ những nhân viên làm việc không hiệu quả và cung cấp cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp. Chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp hoàn thành tốt công việc được giao. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- **Đào tạo nhân viên mới:** Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- **Đào tạo thường xuyên:** Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ và đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

- **Chế độ làm việc**

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/ tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, do đặc thù sản phẩm của Công ty phục vụ sản xuất nông nghiệp nên phải sản xuất theo đơn đặt hàng và phục vụ theo mùa vụ. Để kịp thời cung ứng các sản phẩm phục vụ bà con nông dân phòng trừ dịch hại, Công ty phải huy động các đơn vị sản xuất, bán hàng làm thêm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không quá 04 giờ/ngày/người và 300 giờ/năm/người (TT 54/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động thương binh xã hội). Công ty và nhân viên có thể thoả thuận về việc làm thêm giờ. Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng Bộ Luật lao động.
- Công ty luôn quan tâm và đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Người lao động làm việc trực tiếp trong các xưởng sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại, được đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước.
- Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.
- Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.
- Công ty đã thực hiện khen thưởng hàng kỳ, đột xuất cho cá nhân, tập thể tiên tiến và xuất sắc. Tiêu chuẩn để xét thi đua và khen thưởng căn cứ vào việc chấp hành nội quy quy chế của Công ty, thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực lãng phí.
- Thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật định và thỏa ước lao động tập thể.
- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư

| TT | Hạng mục đầu tư | Đơn vị | Số lượng | Số tiền | Thời điểm đầu tư | Tiến độ |
|------------------------------------|---|-------------------|----------|---------------|-------------------|---------------|
| I Máy móc thiết bị sản xuất | | | | | | |
| 1 | + Dụng cụ đóng date + Máy bơm hút Tech, xylen + Máy hàn miệng túi liên tục + Các thiết bị đo lường, và dụng cụ khác phục vụ sản xuất | CN Phía Nam | | 54,220,000 | Tháng 1 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 2 | + Máy xiết nút tự động SF-120-8 | CN Hải Phòng | 1 | 308,000,000 | Tháng 5 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 3 | + Máy quấn đai thùng bán tự động | CN Phía Nam | 1 | 17,050,000 | Tháng 8 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 4 | + Máy in phun ký tự nhỏ Markem-Image 9028-1.1G chính hãng. + Bảng tải có biến tần kích thước 400 x 1200 x 700 (mm) | CN Hải Phòng | 1 | 118,800,000 | Tháng 11 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 5 | + Máy xiết chai 10 vòi + Máy xiết nắp + Máy seal nắp chai + Bồn chứa liệu lỏng trên cao vị + Mâm chứa chai thành phẩm Ø800mm, vật liệu inox SUS 304 + Bơm cấp liệu 1HP - 220V lên bồn chứa bằng inox | CN Phía Nam | 1 | 761,000,000 | Tháng 11 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 6 | Vật tư trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất | CN Phía Nam | 1 | 23,641,000 | Tháng 11 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 7 | Hệ thống camera giám sát sản xuất | CN Hải Phòng | | 48,860,000 | Tháng 12 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| 8 | Máy photocopy Ricoh MP.2001 L | CN Phía Nam | 1 | 32,000,000 | Tháng 12 năm 2016 | Đã lắp đặt |
| II Xây dựng cơ bản | | | | | | |
| 1 | Sửa chữa nâng cấp kho và khu để xe, văn phòng và mua trang thiết bị | CN Tây Nguyên | | 178,298,500 | Tháng 11 năm 2016 | Đã hoàn thành |
| 2 | Sửa chữa, xây lại tường, khung cửa sổ xưởng sản xuất | CN Đà Nẵng | | 78,607,000 | Tháng 9 năm 2016 | Đã hoàn thành |
| 3 | Sửa chữa nhà ăn tập thể và nhà xưởng sản xuất số 02 | CN Hải Phòng | | 62,675,000 | Tháng 9 năm 2016 | Đã hoàn thành |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo mái tầng 4, phòng thí nghiệm và Hội trường tầng 4 | Văn phòng Công ty | | 1,500,000,000 | Tháng 5 năm 2016 | Đã hoàn thành |

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính trong năm 2016

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 | 2016/2015 |
|-------------------------------------|------------|----------|----------|-----------|
| Tổng giá trị tài sản | Triệu Đồng | 293,118 | 258,707 | 88.26% |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV | Triệu Đồng | 537,549 | 480,278 | 89.35% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Triệu Đồng | 11,611 | 13,077 | 112.62% |
| Lợi nhuận khác | Triệu Đồng | 1,017 | 333 | 32.74% |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu Đồng | 12,628 | 13,410 | 106.19% |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu Đồng | 10,016 | 10,650 | 106.33% |

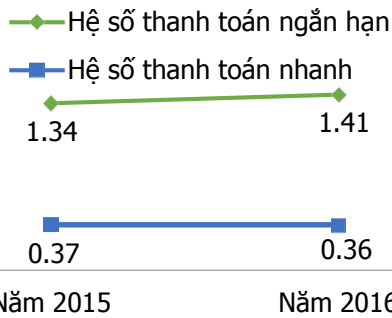
Trong năm 2016, các chỉ tiêu về Tổng tài sản, Doanh thu thuần và Lợi nhuận khác của công ty đều giảm so với năm 2015. Tuy nhiên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh hơn làm cho các chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế đều tăng:

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 13.077 tỷ đồng, tăng 12.62% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 13.4 tỷ đồng, tăng 6.19% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 10.6 tỷ đồng, tăng 6.33% so với năm 2015.

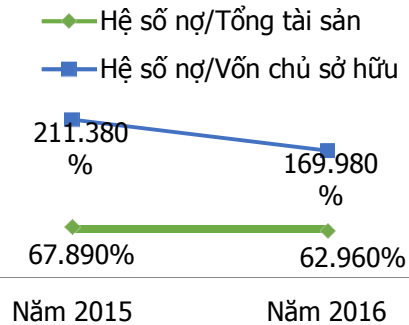
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 |
|--|------|----------|---------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH) | lần | 1.34 | 1.41 |
| - Hệ số thanh toán nhanh =(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH) | lần | 0.37 | 0.36 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/tổng tài sản | % | 67.89 | 62.96 |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | % | 211.38 | 169.98 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq) | vòng | 2.09 | 2.06 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | vòng | 1.83 | 1.85 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 1.86 | 2.22 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | % | 10.64 | 11.11 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS | % | 3.42 | 4.12 |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | % | 2.16 | 2.72 |

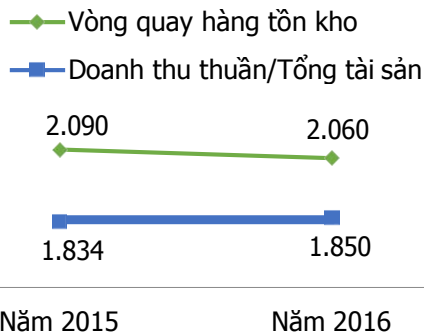
Khả năng thanh toán



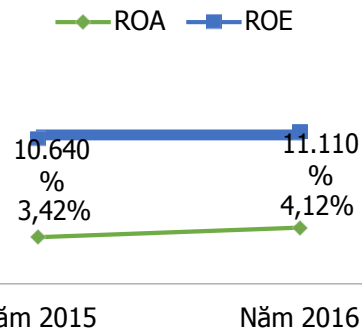
Cơ cấu vốn



Năng lực hoạt động



Khả năng sinh lời



- Công ty đảm bảo khả năng thanh toán trong ngắn hạn khi hệ số qua các năm đều lớn hơn 1. Tuy nhiên, lượng hàng tồn kho đang chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (hơn 70%) khiến cho hệ số thanh toán nhanh đang ở mức khá thấp (<0,5).
- Công ty có hệ số nợ ở mức trung bình và đã có sự giảm nhẹ trong năm 2016

- Hệ số vòng quay hàng tồn kho có sự giảm nhẹ trong năm 2016 và hệ số doanh thu thuần/ Tổng tài sản cũng có chút biến chuyển từ mức 1.83 năm 2015 lên 1.85 năm 2016. Điều này cho thấy công ty đang dần nâng cao hiệu quả của việc sử dụng tài sản vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ROA năm 2015 là 3,42%; Hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản đã đầu tư là khá tốt, và đang được cải thiện rõ rệt qua từng năm. ROE cũng ở tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, trong năm 2015 là 10,64%. Năm 2016, tỷ lệ này tiếp tục tăng lên là 11,11%, tương ứng với mức tăng sau 1 năm 1,04 lần.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu:

| | |
|---------------------------|-------------------|
| Số cổ phần phổ thông: | 5.250.000 cổ phần |
| Số cổ phần ưu đãi: | 0 cổ phần |
| Số cổ phần đang lưu hành: | 5.250.000 cổ phần |
| Số cổ phiếu quỹ: | 0 cổ phần |
| Mệnh giá cổ phiếu: | 10.000 VNĐ |

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

Cơ cấu cổ đông của công ty

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ đông 2015 | Tỷ lệ (%) 2015 | Số lượng cổ đông 2016 | Tỷ lệ (%) 2016 |
|----------|---------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|----------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 286 | 100 | 275 | 100 |
| | - Tổ Chức | 3 | 5.98 | 2 | 1.22 |
| | - Cá nhân | 283 | 94.02 | 273 | 98.78 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | - | - | - | - |
| | - Tổ chức | - | - | - | - |
| | - Cá nhân | - | - | - | - |

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 25/03/2016 và 15/03/2017)

Danh sách cổ đông lớn của công ty

| Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ/VĐL |
|---------------------|-----------------------|--|------------------|-----------|
| Đặng Văn Thông | 011773468 | Số 21/104 Trung Liệt, Đống Đa, Tp Hà Nội | 886,075 | 16.88 |
| Đình Văn Hoạt | 012164313 | Thôn Đào Thục, Thụy Lâm, Đông Anh, Tp Hà Nội | 333,000 | 6.34 |
| Doãn Thị Hằng | 012484485 | Số 23 ngõ 516 đường Láng, Đống Đa, Tp Hà Nội | 304,234 | 5.79 |
| Đặng Quỳnh Trang | 012729658 | 19/14 Trần Cao Vân, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội | 557,841 | 10.63 |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2006 với số vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng. Từ đó đến nay, công ty đã có 2 lần phát hành để tăng vốn điều lệ.

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 VND) | Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 VND) | Hình thức phát hành | Cơ lý sở pháp/Giấy CNĐKKD |
|----------|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|---|---|
| 1 | 2008 | 15.000.000 | 50.000.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là 791.057 cổ phiếu. - Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược 708.943 cổ phiếu | <ul style="list-style-type: none"> - NQ ĐHĐCĐ năm 2008 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và cổ đông hiện hữu. - Giấy chứng nhận số 358/UBCK -GCN ngày 09 tháng 12 năm 2008 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 97 -BC/BVTV.1-HDQT ngày 09 tháng 03 năm 2009. - Giấy CNĐKKD số 0103012757 đăng ký lần đầu ngày 05/06/2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/05/2009 |
| 2 | 2011 | 2.500.000 | 52.500.000 | Phát hành cho cán bộ công nhân viên trong công ty | <ul style="list-style-type: none"> -NQ ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2011. -Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty ngày 12 tháng 8 năm 2011. - Giấy CNĐKKD 0100101611 đăng ký lần đầu ngày 05/06/2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/11/2011 |



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2016

Tình hình sản xuất nông nghiệp

Năm 2016, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, biến đổi khí hậu gây nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan bất thường như mùa đông ấm ở miền Bắc, mưa lũ gây lụt nặng ở các tỉnh miền núi phía Bắc, hạn hán gay gắt xảy ra trên diện rộng gần khắp cả nước, Hiện tượng xâm nhập mặn vào các ruộng lúa ven biển phía Nam lan rộng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, trồng trọt có mức tăng trưởng thấp nhất so với năm ngoái.

Tình hình dịch hại và bảo vệ thực vật

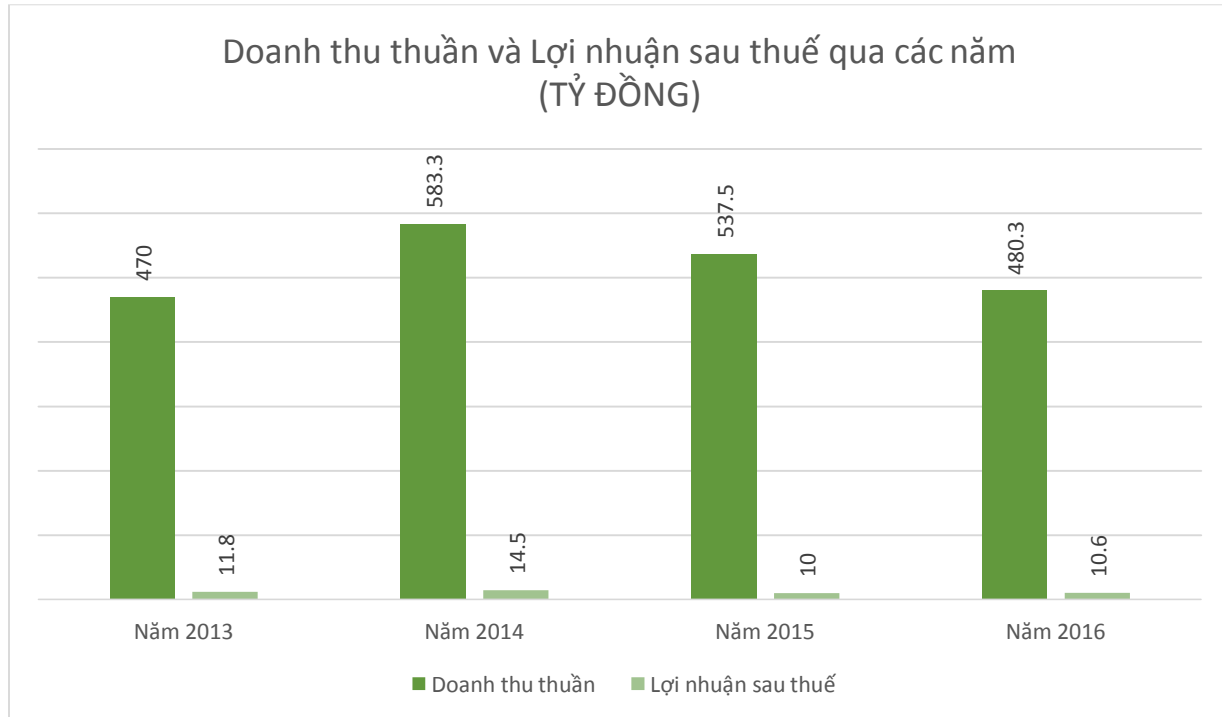
Năm 2016 mặc dù bị biến đổi khí hậu tác động gây khó khăn đến sản xuất nông nghiệp nhưng dịch hại trên cây trồng nhìn chung đều giảm, không có dịch hại lớn trên diện rộng. Các dịch hại lớn hay xảy ra trên lúa của giai đoạn trước như rầy nâu, đạo ôn, khô vằn... có xu hướng giảm dần. Các quy luật về phát sinh sâu bệnh và dịch hại trên cây trồng theo mùa vụ thay đổi thất thường không còn tuân theo quy luật gây khó khăn cho công tác dự báo xây dựng kế hoạch mua nguyên liệu, bố trí sản xuất và kinh doanh. Với sự phát triển của kỹ thuật canh tác và áp dụng tiến bộ của khoa học bảo vệ thực vật trong nông nghiệp, việc sử dụng thuốc trừ sâu, trừ bệnh cho cây trồng có xu hướng ngày càng giảm để đảm bảo vấn đề an toàn thực phẩm và nông sản xuất khẩu. Vì vậy, sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và giá cả đối với mặt hàng trong sản xuất kinh doanh thuốc BVTV ngày càng gay gắt.

Tình hình về môi trường tài chính và chính sách pháp luật đối với sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2016 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn. Nền kinh tế luôn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Sự bất ổn thị trường tài chính toàn cầu, biến động tỷ giá của các đồng ngoại tệ mạnh, chi phí năng lượng điện, nước và vận chuyển hàng hóa, các chi phí khác đều tăng ảnh hưởng đến chi phí mua nguyên liệu, vật tư sản xuất, tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm
- Thị trường xuất khẩu nông, thủy sản gặp nhiều khó khăn, nhu cầu và giá cả các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam giảm. Giá cả giảm xuống làm cho việc đầu tư sản xuất nông nghiệp khó khăn, nông dân thường xuyên phá bỏ thay đổi cây trồng. Bên cạnh đó là thay đổi thị hiếu, nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng trong nước và nước ngoài về sản phẩm nông nghiệp không sử dụng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật.
- Các quy định của pháp luật liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật có hiệu lực thực hiện nhưng bộc lộ nhiều bất cập. Các yêu cầu về điều kiện sản xuất, điều kiện kinh doanh, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy ... đòi hỏi ngày một cao bắt buộc doanh nghiệp phải đầu tư kinh phí để xây dựng đáp ứng theo kịp các quy định mới của pháp luật. Nhiều loại hoạt chất sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật bị cấm sử dụng và sản xuất trên thị trường thế giới và trong nước.

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các yếu tố trên tác động khá lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty



Kết quả hoạt động kinh doanh so với kế hoạch và cùng kỳ

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2015 | TH 2016 | KH 2016 | % Đạt kế hoạch | % 2016/2015 |
|--------------------|------------|---------|---------|---------|----------------|-------------|
| Tổng doanh thu | triệu đồng | 540,327 | 482,400 | 435,356 | 110.81% | 89.28% |
| Lợi nhuận sau thuế | triệu đồng | 10,016 | 10,650 | 10,062 | 105.85% | 106.33% |
| Mức cổ tức | % | 16 | 16 | 16 | 100.00% | 100.00% |

Theo nhận định đầu năm của công ty, năm 2016 sẽ là một năm nhiều khó khăn của kinh tế nói chung và của ngành Bảo vệ thực vật nói riêng. Giai đoạn 2013-2016, mức doanh thu thuần năm 2016 có suy giảm so với các năm trước (giảm 10.65% so với doanh thu năm 2015). Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2016 vẫn cao hơn năm 2015 : 6.33%.

Chỉ tiêu Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của công ty đều đạt kế hoạch và trên mức kỳ vọng từ đầu năm của công ty. Tổng doanh thu đạt 482.4 tỷ và lợi nhuận sau thuế đạt 10.65 tỷ đồng. Do vậy mức cổ tức cho các cổ đông công ty 2016 vẫn đạt kế hoạch 16% như dự kiến.

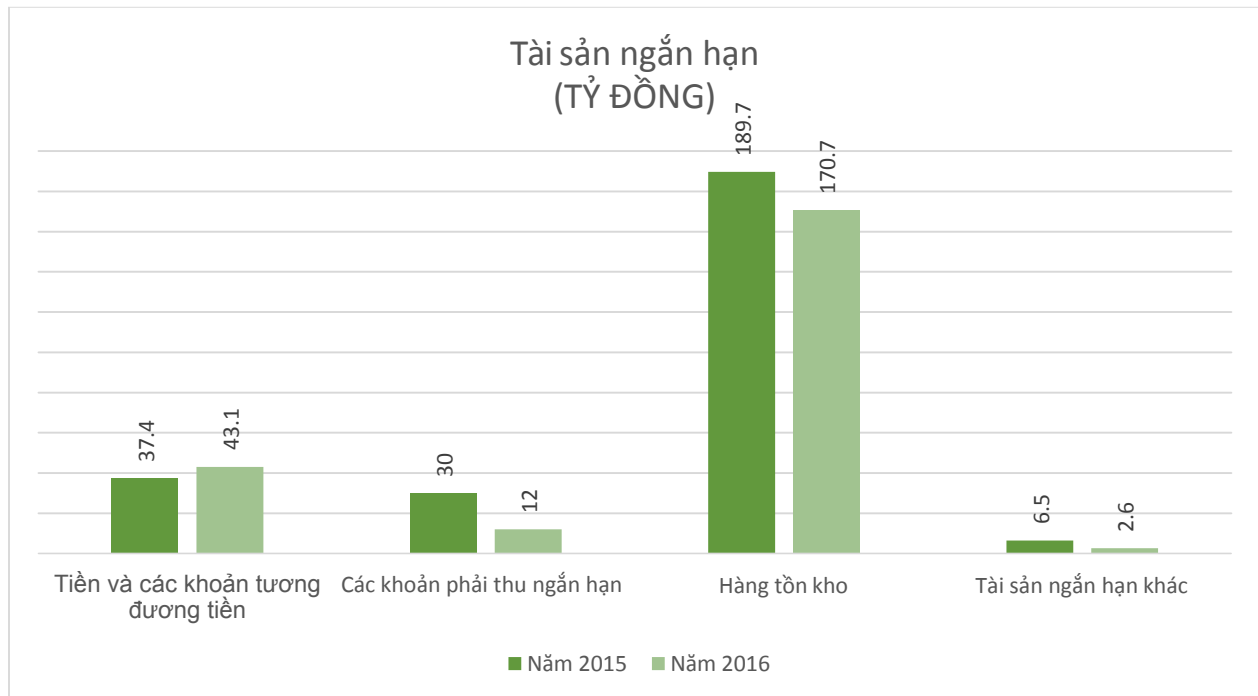
Tình hình tài chính năm 2016

Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | |
|------------------|----------------------|--------------|----------------------|--------------|-------------|
| | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | % 2016/2015 |
| Tài sản ngắn hạn | 263,624 | 89.94% | 228,582 | 88.36% | 86.71% |
| Tài sản dài hạn | 29,494 | 10.06% | 30,125 | 11.64% | 102.14% |
| Tổng tài sản | 293,118 | 100.00% | 258,707 | 100.00% | 88.26% |



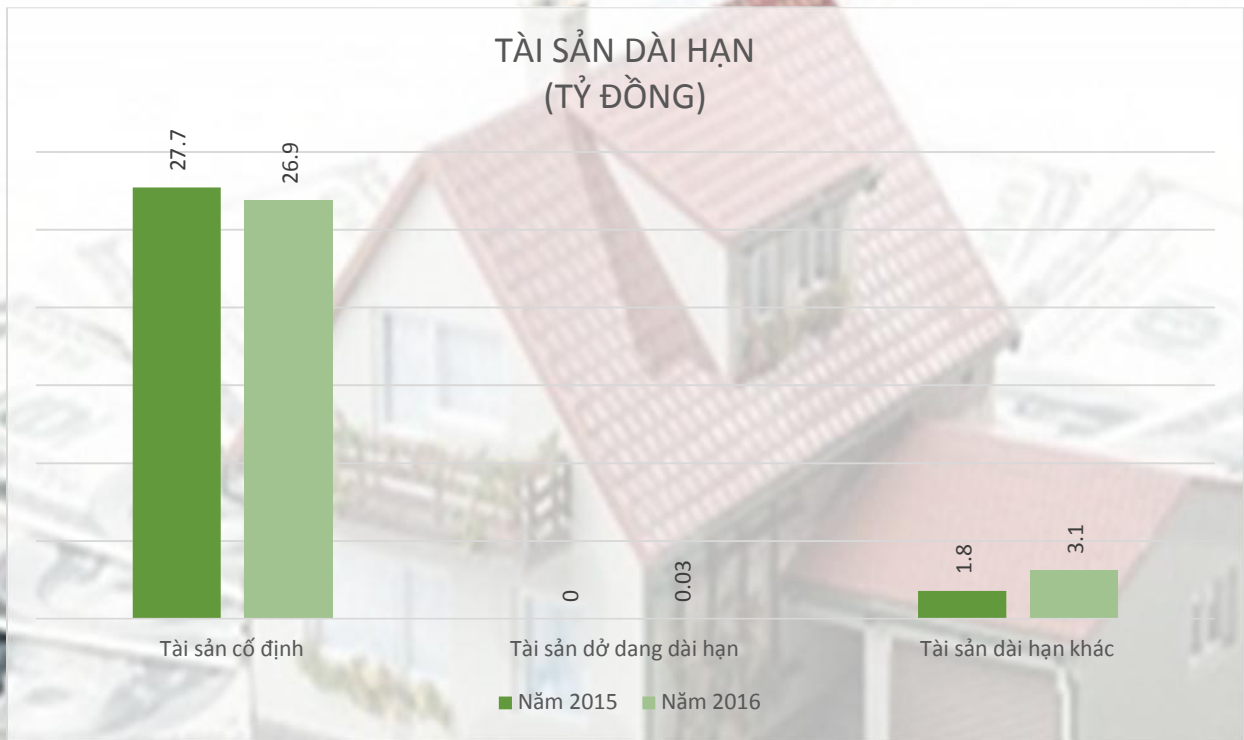
• Tài sản ngắn hạn



Tại thời điểm 01/01/2016 đạt giá trị: 263.6 tỷ đồng, chiếm 89.9% tổng tài sản. Đến 31/12/2016, Tài sản ngắn hạn giảm còn 228.6 tỷ đồng. Khoản mục Tài sản ngắn hạn chiếm tới 88.4% tổng tài sản của doanh nghiệp. Cụ thể:

- *Tiền và các khoản tương đương tiền* tại 31/12/2016 là 43.1 tỷ đồng, chiếm khoảng 18.9% TTSNH và có xu hướng tăng so với thời điểm cuối năm 2015.
- *Các khoản phải thu* tại thời điểm 01/01/2016 đạt giá trị là 30 tỷ đồng, chiếm 13.1% TTSNH và có xu hướng giảm xuống. Đến 31/12/2016, các khoản phải thu giảm xuống còn 12 tỷ đồng giảm so với cuối năm 2015. Công ty đang quản lý công nợ tốt và không có các khoản nợ kéo dài.
- *Hàng tồn kho*: Đây là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu TTSNH. Tại 01/01/2016 công ty có giá trị hàng tồn kho là 189.7 tỷ đồng, chiếm tới 71.9% TTSNH. Đến 31/12/2016, hàng tồn kho giảm nhẹ còn 170.7 tỷ đồng, tuy nhiên tỷ trọng lại tăng lên chiếm 74.8% TTSNH. Do đặc thù của công ty là hoạt động trong hoạt lĩnh vực thương mại nên tỷ trọng hàng tồn kho lớn cũng là điều dễ hiểu. Sự biến động hàng tồn kho là do ảnh hưởng của khoản Nguyên liệu, vật liệu.
- *Tài sản lưu động khác*: Tại thời điểm 31/12/2016, đạt giá trị 2.6 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ rất nhỏ cơ cấu tổng tài sản ngắn hạn của công ty với tỷ lệ khoảng hơn 1%.

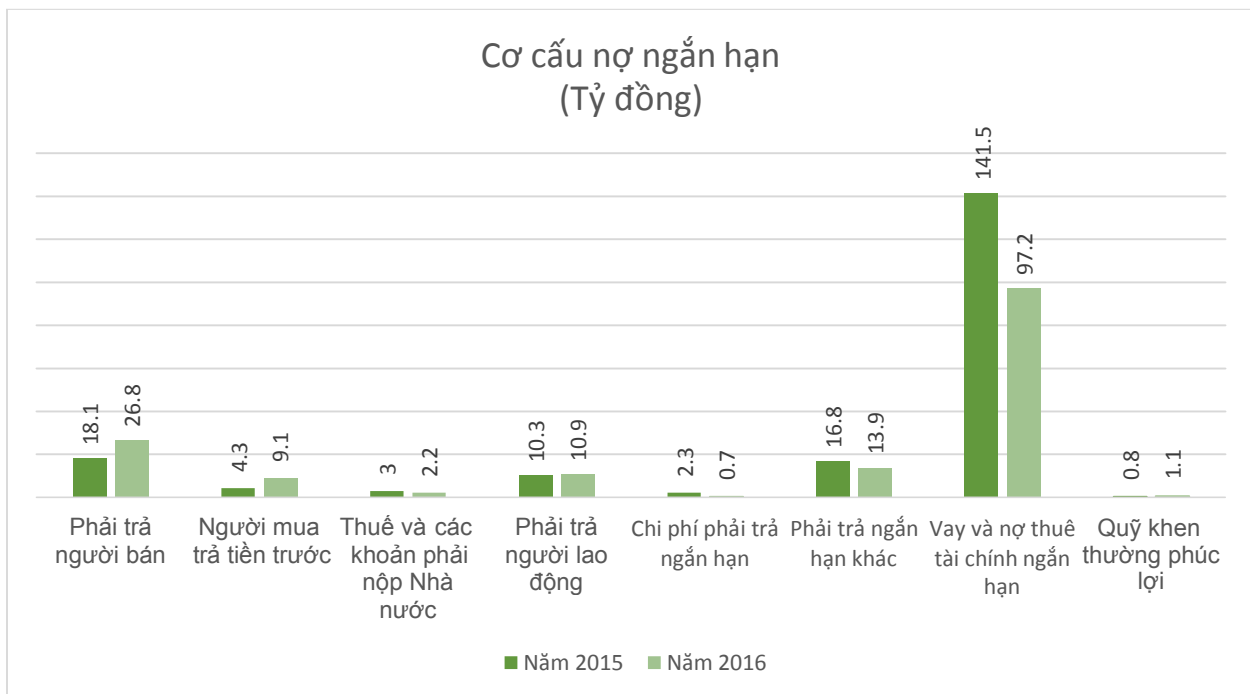
- Tài sản dài hạn



Tài sản dài hạn của công ty chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu Tổng tài sản, nằm hầu hết trong giá trị TSCĐ hữu hình. Cụ thể, tại thời điểm 01/01/2016, Tổng tài sản cố định đạt giá trị 27.7 tỷ đồng và giảm xuống còn 26.9 tỷ vào thời điểm năm 31/12/2016.

• **Tình hình nợ phải trả**

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | % 2016/2015 |
|------------------|----------------------|--------------|----------------------|--------------|-------------|
| | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | |
| Nợ ngắn hạn | 197,189 | 99.10% | 162,187 | 99.57% | 82.25% |
| Nợ dài hạn | 1,795 | 0.90% | 695 | 0.43% | 38.72% |
| Tổng nợ phải trả | 198,984 | 100% | 162,882 | 100% | 81.86% |



Nợ dài hạn năm 2016 ở mức 0.69 tỷ đồng, giảm 61.28% so với 2015. Trong năm công ty đã thanh toán khoản vay dài hạn gần hơn 1 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu Tổng nợ phải trả, chiếm đến 99% trong cơ cấu Nợ phải trả. Đến thời điểm 31/12/2016, Nợ ngắn hạn có giá trị là 162.2 tỷ đồng, giảm 36 tỷ đồng (khoảng 18%) so với năm 2015. Sự biến động Nợ ngắn hạn chủ yếu do các yếu tố sau:

- Khoản mục *vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn*: các khoản vay của Doanh nghiệp chủ yếu nằm ở các khoản cấp Hạn mức tín dụng ngắn hạn cho công ty. Tính đến thời điểm 31/12/2016, các khoản vay ngắn hạn đã giảm xuống còn 97.2 tỷ đồng (tương đương mức giảm 31% so với năm 2015). Đây là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu Nợ ngắn hạn (chiếm khoảng 59.7%)
- *Phải trả người bán*: Tại thời điểm 31/12/2016 có giá trị 26.8 tỷ đồng, tăng lên 8.7 tỷ so với năm 2015.

Đánh giá thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2016

Năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế nước ta chịu hậu quả của khủng hoảng kinh tế thế giới, tiền thuế thuê đất tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ, sự thay đổi nhanh chóng các văn bản có liên quan đến sản xuất kinh doanh thuốc BVTV..., đặc biệt do dịch hại ít xuất hiện nên một số sản phẩm có lợi nhuận cao không tiêu thụ được nhiều, có mặt hàng bán hòa vốn, hoặc lỗ trong khi chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao.

Tuy nhiên HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty đã nỗ lực phấn đấu không ngừng, ngoài sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống cây trồng do vậy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 vượt kế hoạch đề ra: Tổng doanh thu đạt hơn 482.4 tỷ đồng, vượt 10.81% so với kế hoạch và giảm 10.72% so với năm 2015; Lợi nhuận trước thuế tăng 6.62% so với kế hoạch và tăng 6.2% so với năm 2015; Thu nhập bình quân của người lao động vượt 10.54% so với kế hoạch và giảm 10.98% so với năm 2015.

Chi phí tăng chủ yếu do giá nguyên liệu, vật liệu đầu vào tăng mạnh, chi phí vận chuyển tăng nhiều, không phát sinh dịch bệnh; chi phí tài chính ổn định do bình ổn chênh lệch tỷ giá (lãi suất tiền vay ngân hàng ổn định), giảm 44.44% so với năm 2015. Công ty sử dụng nợ ngắn hạn nhiều để dùng cho vốn lưu động. Đồng thời do mới phát triển thêm lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nên phải đầu tư chi phí rất lớn để xây dựng thương hiệu và thị trường, năm 2016 mặt hàng giống cây trồng đã từng bước ổn định, một số mặt hàng bán không có lợi nhuận Công ty khoán chi phí giảm dẫn đến giảm doanh số, điều này cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng lợi nhuận trong năm 2016.

Kế hoạch hoạt động năm 2017

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2016 | KH 2017 |
|-----|----------------------|------------|---------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 482,400 | 468,888 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 13,410 | 12,558 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 10,650 | 10,047 |
| 4 | Cổ tức | % | 16 | 16 |

Nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, kinh tế trong nước vẫn còn nhiều bất ổn như: Lạm phát luôn có xu hướng tăng, giá điện, xăng dầu đã và đang có chiều hướng tăng giảm bất thường dẫn đến chi phí đầu vào tăng cao và không ổn định.

Diện tích đất nông nghiệp càng ngày càng bị thu hẹp, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng chung của ngành. Nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là nhập khẩu khiến doanh nghiệp gặp nhiều rủi ro về tỷ giá ngoại tệ, đặc biệt hiện tỷ giá giữa đồng đôla Mỹ và đồng Việt Nam đang có xu hướng tăng cao. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng khốc liệt, trong khi tình hình dịch hại trong vài năm gần đây có chiều hướng ít xuất hiện, nhất là một số dịch hại quan trọng trên cây lúa. Tất cả những điều này gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh vật tư phục vụ nông nghiệp, trong đó có Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty cũng định hướng phát triển mở rộng ngành nghề sản xuất và kinh doanh giống cây trồng, trước mắt với 02 giống ngô PSC-102 và PSC-747 để đảm bảo ổn định và phát triển doanh số (dự kiến kế hoạch doanh thu bán hàng thuốc bảo vệ năm 2017 thấp hơn so với thực tế năm 2016). Công ty sẽ tập trung quản lý chặt chẽ chi phí, hạn chế rủi ro về công nợ, kiên quyết thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí để quyết tâm phấn đấu thực hiện đạt kế hoạch đề ra.



BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành

Về tình hình kinh tế vĩ mô

Năm 2016 là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới. Các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản hay Liên minh châu Âu gặp nhiều khó khăn. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến cung cầu hàng hóa trên thế giới. Cùng những diễn biến khó lường của tình hình chính trị, các cuộc xung đột, thiên tai – dịch bệnh ... đã tạo ra một năm 2016 đầy khó khăn cho kinh tế thế giới.

Trong khi đó, mặc dù mức độ phục hồi chưa bền vững nhưng dòng vốn FDI sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Theo đó, FDI sẽ tăng từ 1,4 nghìn tỷ USD năm 2015 lên 1,5 nghìn tỷ USD trong năm 2016 và khoảng 1,7 tỷ USD trong năm 2017. Riêng tại Việt Nam, dòng vốn FDI gián tiếp được đẩy mạnh hơn khi Việt Nam tham gia ngày càng tích cực vào các hiệp định tự do hóa thương mại song phương (FTA) và đặc biệt là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)...

Vì vậy, trong giai đoạn tới, nền kinh tế Việt Nam sẽ thoát khỏi giai đoạn suy giảm và bắt đầu vào chu kỳ phục hồi mới. Tăng trưởng kinh tế được kỳ vọng hồi phục mạnh trong giai đoạn 2016 – 2020 với mức tăng dao động từ 6 – 6,67% nhờ vào hàng loạt các yếu tố như: hỗ trợ giá hàng hóa, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI và nhu cầu bên ngoài cùng với những cải cách về thể chế của nền kinh tế sẽ phát huy hiệu quả.

Về tình hình của ngành năm 2016

Giai đoạn 2016 – 2020, lĩnh vực nông nghiệp tập trung thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp phải theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt. Giai đoạn 2016-2020, các mục tiêu cụ thể mà ngành BTVT hướng tới là siết chặt quản lý sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc BTVT; tăng cường công tác thanh tra kiểm dịch thực vật, kiểm tra an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và kiểm dịch thực vật nội địa; góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Nhà nước tiếp tục siết chặt và tăng cường công tác quản lý thuốc BTVT ở tất cả các khâu, đặc biệt là khâu khảo nghiệm thuốc BTVT. Rà soát danh mục thuốc BTVT được phép sử dụng ở Việt Nam và đề xuất loại bỏ các thuốc độc hại, hiệu lực thấp ra khỏi Danh mục.

Bên cạnh những thuận lợi do Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đem lại, nền kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều thách thức lớn, đó là sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh đối với các DN Việt Nam. Nếu không có sự chuẩn bị tốt, nhiều ngành sản xuất và dịch vụ có thể sẽ gặp khó khăn. Trong đó ngành nông nghiệp, chăn nuôi sẽ đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt. Các nước tham gia TPP có xu hướng đàm phán nhằm giữ bảo hộ đối với nông sản nội địa. Khi đó, hàng rào phi thuế quan sẽ trở nên phổ biến hơn với yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm, trong khi đây là điểm yếu của sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Hàng nhập khẩu tăng, xuất khẩu không tìm được đường vào thị trường các nước sẽ khiến nông nghiệp đứng trước những khó khăn.

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Đánh giá khái quát

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty tập trung vào sản xuất và mua bán hóa chất thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng; Sản xuất và mua bán Giống cây trồng. Công ty tập trung nghiên cứu phát triển và đăng ký các sản phẩm mới phù hợp với yêu cầu thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng, cải tiến các loại bao bì, vật tư phù hợp với từng loại thuốc bảo vệ thực vật để đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm, gọn nhẹ trong vận chuyển, an toàn và bảo vệ môi trường và chống hàng nhái, hàng giả.

Các quy luật về phát sinh sâu bệnh và dịch hại trên cây trồng theo mùa vụ thay đổi thất thường gây khó khăn cho công tác dự báo kế hoạch mua nguyên liệu, bố trí sản xuất và kinh doanh của Công ty. Công ty đã đầu tư triển khai sản xuất, kinh doanh mặt hàng giống cây trồng. Công ty đang tiến hành khảo sát thăm dò một vài giống ngô, giống lúa phục vụ cho phát triển thị trường của mặt hàng này. Công ty xây dựng chính sách giá bán trên cơ sở giá cả đầu vào, phù hợp với tình hình thị trường và thu nhập của bà con nông dân, đảm bảo đủ chi phí và có lợi nhuận.

➤ Kết quả cụ thể

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2016 | TH 2016 | TH 2016/ KH 2016 |
|--------------------|------------|---------|---------|---------------------|
| Tổng doanh thu | triệu đồng | 435,356 | 482,400 | 110.81% |
| Lợi nhuận sau thuế | triệu đồng | 10,062 | 10,650 | 105.85% |
| Mức cổ tức | % | 16 | 16 | 100.00% |

Năm 2016 hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều thuận lợi hơn so với kỳ vọng. Doanh thu thuần đạt hơn 482.4 tỷ đồng, bằng 110.81% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế cũng cao hơn kế hoạch, đạt mức 10.65 tỷ đồng và mức cổ tức thực hiện 2016 theo đúng kế hoạch đề ra là 16%.

Hoạt động tổ chức – nhân sự

➤ Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/ tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ. Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng Bộ Luật lao động.

➤ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp hoàn thành tốt công việc được giao.

➤ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Ngoài các khoản phải trả cho người lao động theo luật định như tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Công ty còn trích các khoản hỗ trợ cho cán bộ, CNV như: Mua bảo hiểm tai nạn thân thể 24/24, hỗ trợ tiền ăn ca, bồi dưỡng độc hại v.v... làm tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch. Nhìn nhận về cơ bản, đây là kết quả mà các nhân lực quản lý và các cán bộ công nhân viên Công ty rất đáng mừng, kết quả này đã thể hiện nội lực của Công ty được phát huy trong những thời điểm hoạt động SXKD khó khăn. Ban điều hành đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ quy định. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực và tinh thần đoàn kết của Ban điều hành. Tổng Giám đốc đã cùng với các Phó Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác có nhiều nỗ lực và luôn dành hết tâm huyết cho việc lập kế hoạch chiến lược kinh doanh, quản lý, thu hồi tốt công nợ, điều hành linh hoạt mọi hoạt động sản xuất nhằm đưa Công ty vượt qua thời điểm khó khăn chung của nền kinh tế trong năm 2016. Kết quả kinh doanh trong năm 2016 đã phản ánh đúng mọi hoạt động của Công ty.

Các kế hoạch và định hướng của HĐQT

Kế hoạch và định hướng phát triển trong kỳ tới

Trong nhiệm kỳ tới, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về thương hiệu, về con người và công nghệ, mở rộng phát triển thị trường, đảm bảo sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty sẽ tập trung đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh mới đạt được các chỉ tiêu chủ yếu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn.

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|----------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 435.356 | 478.892 | 502.836 | 527.978 | 554.377 |
| Tốc độ tăng doanh thu | 10% | 10% | 5% | 5% | 5% |
| Lợi nhuận trước thuế | 12.578 | 13.207 | 13.867 | 14.561 | 15.289 |
| Tốc độ tăng lợi nhuận | 5% | 5% | 5% | 5% | 5% |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 10.062 | 10.565 | 11.093 | 11.648 | 12.230 |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu (%) | 2.31 | 2.21 | 2.21 | 2.21 | 2.21 |
| Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%) | 19.17 | 20.12 | 21.13 | 22.19 | 23.30 |
| Tỷ lệ LNST/VCSH (%) | 12.28 | 12.73 | 13.36 | 14.02 | 14.71 |
| Tỷ lệ cổ tức /năm (%) | 16.0% | 16,0% | 16,0% | 16,0% | 16,0% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.917 | 2.012 | 2.113 | 2.219 | 2.330 |

Các giải pháp

➤ **Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên lành nghề**

Trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và hội nhập, nhiều Công ty coi lực lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Doanh nghiệp cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; các kiến thức nền tảng, kỹ năng cứng liên quan tới công việc chuyên ngành; kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống... Nhưng trong thực tế không có trường đại học nào có thể cung cấp hết tất cả các kỹ năng này cho người lao động. Vì vậy, công tác phát triển và đào tạo nguồn nhân lực luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển tố chất lãnh đạo. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn. Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên thích hợp, loại bỏ những nhân viên làm việc không hiệu quả và cung cấp cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xây dựng văn hoá công ty: Công ty là một cấu trúc phối kết hợp các kiến thức cá nhân, niềm tin và gắn kết mọi người trong một đơn vị, giữa các đơn vị với nhau; Xây dựng văn hóa học hỏi và chuyển tiếp những kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn; Định hướng các hành vi nội bộ nhằm đảm bảo sự thành công cho doanh nghiệp.

➤ **Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, quan tâm chăm sóc khách hàng**

Xây dựng các quy trình kinh doanh, quy trình quản lý nhằm gia tăng hiệu suất hoạt động và giảm thiểu chi phí để phản ứng nhanh chóng hơn với những thay đổi của thị trường trong khi vẫn cung cấp dịch vụ tốt hơn cho các khách hàng.

➤ **Xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý:**

bao gồm các kế hoạch tài chính, phương pháp tiếp thị và chiến lược sản phẩm.

➤ **Sử dụng công nghệ thông tin** trong quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển thương hiệu của Công ty.

➤ **Quản lí dòng tiền hiệu quả**

Thông thường, dòng tiền thu - chi đến từ 3 khoản mục lớn: tồn kho, khoản phải trả và khoản phải thu. Khoản phải trả liên quan trực tiếp đến trách nhiệm của bộ phận cung ứng - mua hàng. Khoản phải thu là trách nhiệm của bộ phận kinh doanh, còn tồn kho là sự phối hợp giữa bộ phận sản xuất và kinh doanh.

Phải trả là các khoản thanh toán cho nhà cung cấp đầu vào của công ty. Thời gian phải trả, tức thời gian nợ nhà cung cấp, càng dài thì càng có lợi cho dòng tiền. Ngược lại với khoản phải trả, khoản phải thu là phần doanh thu khách hàng mua chịu của công ty.

Việc quản lí dòng tiền hiệu quả là nhiệm vụ hết sức quan trọng của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong quá trình hoạch định và chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh. Đòi hỏi sự đoàn kết, nhất trí và đóng góp trí tuệ, công sức từ cán bộ quản lí cấp cao đến cấp Trưởng Phó các đơn vị, từ việc hoạch định kế hoạch, chính sách đến việc quản lí tiền, hàng, công nợ trong toàn Công ty.



➤ **Hợp tác thương mại, phát triển thương hiệu của công ty**

Trong giai đoạn 05 năm tới, công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động đầu tư xây dựng quảng bá thương hiệu của Công ty, mở rộng thị trường trong và ngoài nước đối với những sản phẩm chiến lược do Công ty đứng tên đăng ký.

Tiếp tục tăng cường hợp tác với các Công ty đa quốc gia chuyên về sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật để xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm cùng hợp tác. Mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh như: Thuốc trừ côn trùng y tế và các lĩnh vực khác. Củng cố thị trường truyền thống và mở rộng thị trường, chú trọng đến các vùng thị trường có cây trồng tiềm năng như: cao su, cà phê, ngô, điều, tiêu... Tìm kiếm, bổ sung những sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, thuốc điều hòa sinh trưởng cây trồng mới có hiệu quả cao, an toàn; đặc biệt là các sản phẩm sinh học.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Thành viên độc lập/thành viên điều hành |
|-----|------------------|-----------------|--------------------|------------------|---|
| 1 | Đặng Văn Thông | Chủ tịch HĐQT | 886,075 | 16.88 | TV điều hành |
| 2 | Đỗ Đức Cơ | Phó CT HĐQT | 130,714 | 2.49 | TV điều hành |
| 3 | Nguyễn Ngọc Long | Thành viên HĐQT | 97,860 | 1.86 | TV điều hành |
| 4 | Vũ Thiện Giáo | Thành viên HĐQT | 33,775 | 0.64 | TV điều hành |
| 5 | Phan Văn Tùng | Thành viên HĐQT | 43,712 | 0.83 | TV điều hành |

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị : Công ty hiện không có tiểu ban trực thuộc

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016 HĐQT Công ty đã họp 7 lần; biểu quyết và ban hành Nghị quyết của HĐQT:

| | |
|---|--|
| <p>1. Nghị quyết số 01/BVTV.1- HĐQT Ngày 19/01/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên HĐQT và Ban Điều hành, căn cứ vào nhiệm vụ được phân công tiếp tục thực hiện chỉ đạo công tác sản xuất, kinh doanh vụ Xuân năm 2016; - Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung trong Dự thảo Quy chế trả lương, tiêu chuẩn chức danh, điều kiện áp dụng, Thang bảng lương và kết quả chuyển xếp lương mới cho toàn thể cán bộ, CNV, người lao động trong Công ty; - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện đăng ký Thang bảng lương và mức lương của người lao động với các cơ quan chức năng liên quan, thực hiện ký lại hợp đồng lao động, đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định. |
| <p>2. Nghị quyết số 02/BVTV.1- HĐQT Ngày 04/03/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục triển khai công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh phục vụ vụ Xuân 2016, công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các xưởng sản xuất. Công tác đầu tư máy móc thiết bị, sửa chữa nhà xưởng; - Đầu tư mua mới cho Chi nhánh Tây Nguyên, Tổ Bán hàng Khu vực IV, Tổ Bán hàng khu vực VII; - Dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 14/4/2015; - Việc giải tỏa 3 gia đình (nguyên là công nhân viên của Công ty vật tư BVTV 1) sống trong khu đất tại kho Ngọc Hồi). |

| | |
|---|--|
| <p>3. Nghị quyết số 03/BVTV.1- HĐQT Ngày 28/03/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Thông qua Chương trình ĐHCĐ năm 2016 và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015, gồm: Báo cáo tài chính tóm tắt; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2015; Kết quả chi trả tổng số tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2014; Phương án chi trả tổng số tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2015; Dự kiến tổng mức thù lao năm 2016; Phương án SXKD năm 2016; - HĐQT giao cho Ban Tổ chức và các Tiểu ban phục vụ triển khai thực hiện toàn bộ các công tác chuẩn bị đại hội; - Giao cho ông Đỗ Đức Cơ và thư ký HĐQT chịu trách nhiệm soát xét toàn bộ nội dung các báo cáo, tờ trình; Thực hiện công bố thông tin. |
| <p>4. Nghị quyết số 04/BVTV.1- HĐQT Ngày 21/04/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT; Giới thiệu nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; - Thông qua việc chưa thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy và cán bộ quản lý hiện tại; - Thông qua các nội dung trong dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; |
| <p>5. Nghị quyết số 05/BVTV.1- HĐQT Ngày 27/06/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế quản trị Công ty; - Thông qua việc đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; - Thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Phê duyệt danh sách bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo kết quả cuộc họp; - Phê duyệt kế hoạch đầu tư; |
| <p>6. Nghị quyết số 06/BVTV.1- HĐQT Ngày 01/09/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Lê Nam Anh cán bộ kế toán Chi nhánh Tây Nguyên giữ chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Tây Nguyên; - Đầu tư kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị; |
| <p>7. Nghị quyết số 07/BVTV.1- HĐQT Ngày 07/12/2016</p> | <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh lại mức lương trong Thang Bảng lương đã xây dựng phù hợp với lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định; - Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và cán bộ trong toàn Công ty; - Các thành viên HĐQT và Ban Điều hành bám sát và chỉ đạo công tác sản xuất, kinh doanh thuộc bảo vệ thực vật vụ Đông Xuân 2016 - 2017; - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện tổng hợp báo cáo, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016, xây dựng kế hoạch tài chính cho năm 2017. |

Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Thành viên độc lập/ thành viên điều hành |
|-----|-----------------------|--------------------------|--------------------|------------------|--|
| 1 | Ông Lê Ngọc Diệp | Trưởng Ban Kiểm soát | 12,345 | 0.24 | TV điều hành |
| 2 | Ông Trần Văn Biên | Thành viên Ban Kiểm soát | 32,000 | 0.61 | TV độc lập |
| 3 | Bà Vũ Thị Thanh Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát | 74,505 | 1.42 | TV điều hành |

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban điều hành

Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát đã kiểm soát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban điều hành, đã kiểm tra việc ghi chép hạch toán sổ sách kế toán và lập báo cáo Tài chính của Công ty. Ban kiểm soát đã xem xét kết quả báo cáo tài chính và hệ thống sổ sách kế toán năm 2016 của Công ty.

Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành trong việc tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát. HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Tất cả các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban điều hành. Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban điều hành việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát.



Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BĐH

Thù lao của HĐQT và BKS năm 2016

| 1. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2015 | % | VNĐ |
|--|------|-------------|
| Kế hoạch (Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015: Mức thù lao cho HĐQT và BKS/Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức) | 1.20 | 117,341,550 |
| Thực tế chi trả | 1.19 | 116,630,000 |
| 2. Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2016 | | |
| Kế hoạch (Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016: Mức thù lao cho HĐQT và BKS/Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức) | 1.20 | 127,811,181 |
| Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS | 1.19 | 127,690,000 |

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

| Tên người nội bộ/người liên quan | Chức vụ | Hình thức | Số lượng | Ngày | Số CP trước GD | Số CP sau GD | Tỷ lệ sau GD |
|----------------------------------|-----------------|-----------|----------|------------|----------------|--------------|--------------|
| Phan Văn Tùng | Thành viên HĐQT | Mua | 10,000 | 25/11/2016 | 33,712 | 43,712 | 0.83 |
| Đặng Văn Thông | Chủ tịch HĐQT | Mua | 15,500 | 18/11/2016 | 806,575 | 822,075 | 15.66 |
| Đặng Văn Thông | Chủ tịch HĐQT | Mua | 64,000 | 09/12/2016 | 822,075 | 886,075 | 16.88 |

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2014 và Quy chế quản trị 121/2012/TT-BTC.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

| Tiêu chí Quản trị | Giải pháp tăng cường hiệu quả |
|--|--|
| Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty | Các thành viên HĐQT, BKS và BDH lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/ tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/ HNX tổ chức |
| Quan hệ nhà đầu tư | Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hà Nội |
| Quản trị tài chính - kế toán | Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính – kế toán |
| Quản trị nhân sự | Nâng cao hiệu quả quá trình quản trị nhân sự. Đồng thời Công ty nghiên cứu ứng dụng phần mềm trong quản lý nhân sự thay cho hệ thống Excel |





**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

Đánh giá về trách nhiệm bảo vệ môi trường

Quản lý chất thải nguy hại

Rác thải rắn sinh ra trong quá trình sản xuất của Công ty chủ yếu là các loại bao bì, phế thải đựng nguyên liệu, vỏ hộp nhựa, vỏ phuy chứa hóa chất, ...

- Đối với việc quản lý chất thải nguy hại, Công ty đã thực hiện đăng ký Sổ nguồn thải nguy hại mã số QLCTNH 31.000558.T cấp lại ngày 25/11/2013. Hàng năm Công ty đã thực hiện thu gom, phân loại và ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng được cấp phép xử lý rác thải nguy hại để chuyển toàn bộ rác thải nguy hại đưa vào xử lý theo đúng quy định của Nhà nước.
- Tại các khu lưu giữ chất thải Công ty lắp đặt đầy đủ biển báo, phân loại theo quy định.
- Đối với nhà thu gom và phân loại rác thải nguy hại, năm 2015 Công ty đã đầu tư xây dựng lại nhà thu gom và phân loại rác, đồng thời tiến hành định danh, ghi mã đối với từng khu vực để rác.
- Về quản lý chất thải rắn tại các Chi nhánh không có xưởng sản xuất: Các loại chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt được Công ty thu gom xử lý theo quy định. Tại các Chi nhánh có kho lưu giữ hàng hóa Công ty kiểm soát không để phát sinh rác thải công nghiệp nguy hại. Nếu trong quá trình lưu thông hàng hóa có phát sinh chất thải công nghiệp nguy hại (bao bì dính thuốc bảo vệ thực vật) thì được Công ty chuyển về Xưởng sản xuất để xử lý theo quy định, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Quản lý nước thải

- Trong quá trình sang chai, đóng gói thuốc BVTV hầu như không sử dụng nước, vì vậy lượng nước thải phát sinh trong công đoạn này hầu như là không có. Nước thải chủ yếu phát sinh trong công đoạn vệ sinh thiết bị, vệ sinh thùng phuy chứa hóa chất, vệ sinh nhà xưởng, nước vệ sinh, tắm, giặt quần áo của công nhân trực tiếp sản xuất, ... các loại nước này thường chứa nhiều dung môi, phụ gia và hóa chất BVTV bám dính vào thiết bị sản xuất, nhà xưởng, quần áo công nhân, ... ước tính lượng thải này phát sinh khoảng 6m³ / ngày.
- Do tính chất độc hại của các loại dung môi, hóa chất có trong nước thải, Công ty đã tiến hành cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải nhằm xử lý các chỉ tiêu có khả năng gây ô nhiễm. Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất sau khi đã tiến hành các biện pháp xử lý, kết quả phân tích của đơn vị thực hiện giám sát môi trường định kỳ luôn nằm trong tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

Quản lý bụi, khí thải

Tác động đến môi trường không khí chủ yếu do bụi, hơi dung môi, hơi hóa chất BVTV, khí thải từ các phương tiện vận chuyển.

- **Bụi:** Phát sinh chủ yếu trong phân xưởng sản xuất thuốc booth, bụi này chủ yếu chứa hóa chất do hoạt động gia công, phối trộn các loại nguyên liệu với các chất phụ gia khác và quá trình đóng gói tạo sản phẩm. Lượng bụi này phát sinh với nồng độ không nhiều, nếu không có các biện pháp ngăn chặn ngay từ đầu chúng rất dễ phát tán ra môi trường không khí xung quanh, đặc biệt là những ngày gió to, gây tác động xấu đến sức khỏe của người dân xung quanh nhà xưởng. Nếu tiếp xúc trực tiếp với các loại bụi này mà không có phương tiện bảo hộ rất dễ mắc phải các bệnh như viêm phổi, ngứa da, đau đầu, mất ngủ, ...
- **Hơi dung môi, hơi hóa chất BVTV:** Phát sinh chủ yếu trong phân xưởng sản xuất thuốc nước, do hoạt động gia công, phối trộn các loại nguyên liệu với các dung môi, phụ gia và quá trình sang chai tạo sản phẩm. Các loại hơi này có mùi rất khó chịu, rất dễ phát tán ra môi trường bên ngoài, nếu tiếp xúc sẽ gây ra các triệu chứng như: đau đầu, chóng mặt, suy nhược, rối loạn thần kinh, ...

Nhận thức được sự ảnh hưởng của các loại khí thải trong quá trình sản xuất, Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, tiến hành đầu tư lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải trong quá trình sản xuất. Khi hệ thống đi vào hoạt động, sự phát tán các yếu tố ô nhiễm vào môi trường không khí cũng sẽ được kiểm soát và hạn chế tốt hơn, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Bên cạnh đó Công ty đã cố gắng hạn chế việc phát sinh bụi trong quá trình sản xuất bằng cách đầu tư thêm các loại máy móc thiết bị hiện đại, tự động, dây chuyền thiết bị khép kín để thực hiện quy trình sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế tối đa lượng bụi, khí thải phát sinh ra môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

Tác động của tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị, các phương tiện vận tải, bốc xếp hàng hóa. Hầu hết các máy móc thiết bị hiện nay đều được Công ty đầu tư thiết bị mới, hiện đại cộng với điều kiện làm việc trong các xưởng được xây dựng kiên cố, cách âm nên tiếng ồn phát sinh không lớn, không gây ảnh hưởng nhiều tới người lao động và người dân xung quanh.

Mục tiêu phát triển bền vững

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương luôn là địa chỉ tin cậy của bà con nông dân, của các đối tác trong và ngoài nước, của Quý bạn hàng. Với phương châm “Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam xanh, sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà” Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đề ra các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Sản xuất, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, điều hoà sinh trưởng cây trồng chất lượng cao, an toàn với con người, cây trồng và môi trường.
- Đảm bảo lợi ích hợp pháp, chính đáng của bà con nông dân, các đối tác và của Quý bạn hàng.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo sức khoẻ và an toàn cho người lao động, đảm bảo môi trường.

Chi tiết các chỉ tiêu phát triển bền vững

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, chú trọng nâng cao điều kiện làm việc, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại các Xưởng sản xuất.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.
- Chi thêm tiền bồi dưỡng cho người lao động làm việc trong thời kỳ cao điểm, chiến dịch, ngày lễ, Tết.
- Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN cho 100% người lao động.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, kịp thời thăm hỏi, động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt,..
- Định kỳ mỗi 6 tháng tiến hành khám sức khỏe tổng thể cho cán bộ, CNV, đặc biệt là công nhân sản xuất trực tiếp sản xuất để phát hiện những bệnh lý do tác động của hóa chất thuốc BVTV.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

| TT | Mục tiêu | Chỉ tiêu | Biện pháp thực hiện |
|----|--|-----------|--|
| 1 | Giảm tiêu thụ điện năng | 2% | <ul style="list-style-type: none"> - Tắt bớt những bóng đèn tại nơi không sử dụng đến. - Không chạy các thiết bị ở chế độ không tải (trừ các trường hợp đặc biệt). - Kiểm tra và định kỳ bảo trì các thiết bị điện. - Khi mua thiết bị điện mới nên lựa chọn thiết bị tiết kiệm điện năng. - Khi điều kiện ánh sáng tự nhiên trong phòng đủ tiêu chuẩn phải tắt đèn điện. - Các thiết bị điện hoặc đèn chiếu sáng tại hành lang, đại sảnh phải bố trí một người chuyên trách tắt điện. - Để điều hòa dao động trong khoảng 25-28°C tại văn phòng làm việc - Kiểm tra các thiết bị điện trước khi ra khỏi phòng làm việc. - Màn hình máy tính đặt chế độ stand by, Khi không sử dụng trên 30 phút cần tắt màn hình máy tính. - Đối với tủ lạnh không được để vật nóng vào tủ lạnh |
| 2 | Giảm tiêu thụ nước | 3% | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nước hợp lý trong sản xuất, việc vệ sinh nhà xưởng tránh trường hợp xả nước mà không sử dụng. - Thường xuyên kiểm tra các thiết bị cung cấp nước. - Khi phát hiện rò rỉ nước phải khắc phục sự cố ngay. - Đặt chế độ mở van nước ở 40% |
| 3 | Giảm tiêu thụ giấy | 5% | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng giấy 1 mặt - Hạn chế in những tài liệu không cần thiết . - Cần kiểm tra kỹ về độ chính xác của văn bản trước khi in. - Sử dụng phương thức trao đổi thông tin thông qua email hoặc bản mềm |
| 4 | Giảm lượng chất thải nguy hại | 5% | <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm mực in - Tiết kiệm dầu, nhớt - Hạn chế sử dụng hóa chất độc hại - Bảo vệ thiết bị chiếu sáng. - Tận dụng tối đa giẻ lau dính dầu, chỉ thải bỏ khi không còn khả năng sử dụng. |
| 5 | Đảm bảo 100% Công nhân viên được đào tạo nhận thức về môi trường | 1 lần/năm | <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nhận thức về hệ thống quản lý môi trường cho nhân viên mới. - Định kỳ năm/lần đào tạo về môi trường cho toàn bộ nhân viên trong công ty. |

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, Phòng chống cháy nổ, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và cộng đồng.
- Trên cơ sở liên tục nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị khép kín từ gia công đến sang chau, đóng gói và các công trình phụ trợ đã làm giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đến mức cho phép. Cơ bản môi trường sản xuất và môi trường xung quanh được cải thiện dần, sức khỏe của công nhân lao động trực tiếp và cán bộ quản lý tại các xưởng sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được đảm bảo.
- Tài trợ các chương trình từ thiện, giúp đỡ đồng bào gặp thiên tai, hỗ trợ người nghèo tại trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội nhân dịp lễ, tết,...

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư

Là một doanh nghiệp đã tham gia thị trường chứng khoán, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục “Quan hệ cổ đông” trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với cổ đông của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm tới Công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT I
TRUNG ƯƠNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Điều hành | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: | 05 - 32 |
| Bảng cân đối kế toán | 05 - 06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 08 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 09 - 32 |



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương tiền thân là Công ty Vật tư Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3112/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/11/2005 và số 678/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương chính thức đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp kể từ ngày 05/6/2006 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012757 nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4/11/2011, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 145 Hồ Đắc Di - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Đặng Văn Thông | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Đức Cơ | Phó Chủ tịch |
| Ông Vũ Thiện Giáo | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Long | Ủy viên |
| Ông Phan Văn Tùng | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|--------------------|-------------------|
| Ông Đặng Văn Thông | Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Đức Cơ | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Lê Ngọc Diệp | Trưởng ban |
| Ông Trần Văn Biên | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Thanh Huyền | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

145 Hồ Đắc Di - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Đặng Văn Thông

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được lập ngày 05 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017



Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1942-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 228.582.032.539 | 263.624.155.363 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 43.131.683.954 | 37.433.894.760 |
| 111 | 1. Tiền | | 43.131.683.954 | 37.433.894.760 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 12.069.268.412 | 30.009.363.102 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 10.907.343.616 | 25.498.392.086 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 428.028.570 | 4.608.095.475 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 2.068.935.393 | 2.001.573.423 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (1.335.039.167) | (2.098.697.882) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 170.740.914.396 | 189.706.979.719 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 170.740.914.396 | 189.707.088.987 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | (109.268) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 2.640.165.777 | 6.473.917.782 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 11 | 828.125.979 | 2.269.937.314 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.810.978.413 | 4.203.911.623 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | 1.061.385 | 68.845 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 30.125.897.438 | 29.494.005.274 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 26.941.750.807 | 27.687.817.818 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 21.809.356.807 | 23.721.999.921 |
| 222 | - Nguyên giá | | 56.327.709.271 | 54.558.918.425 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (34.518.352.464) | (30.836.918.504) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | 5.132.394.000 | 3.965.817.897 |
| 228 | - Nguyên giá | | 6.392.394.000 | 4.292.394.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.260.000.000) | (326.576.103) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 34.392.728 | - |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 34.392.728 | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 3.149.753.903 | 1.806.187.456 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 11 | 3.149.753.903 | 1.806.187.456 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 258.707.929.977 | 293.118.160.637 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 162.882.876.930 | 198.984.475.490 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 162.187.190.189 | 197.189.119.585 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 26.805.552.767 | 18.127.937.362 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14 | 9.147.606.131 | 4.269.029.707 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 2.222.342.849 | 3.070.953.253 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 10.953.124.043 | 10.273.807.887 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 769.540.446 | 2.306.875.627 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 13.977.668.590 | 16.820.784.675 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 12 | 97.194.735.650 | 141.503.784.487 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 1.116.619.713 | 815.946.587 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 695.686.741 | 1.795.355.905 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 12 | 695.686.741 | 1.795.355.905 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 95.825.053.047 | 94.133.685.147 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 18 | 95.825.053.047 | 94.133.685.147 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 52.500.000.000 | 52.500.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 52.500.000.000 | 52.500.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 4.726.360.000 | 4.726.360.000 |
| 414 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 14.923.968.895 | 14.923.968.895 |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 8.760.569.093 | 7.544.417.473 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 14.914.155.059 | 14.438.938.779 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 4.263.223.321 | 4.422.170.895 |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | | 10.650.931.738 | 10.016.767.884 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 258.707.929.977 | 293.118.160.637 |

Lương Thị Tú
Người lập biểu

Lương Thị Tú
Kế toán trưởng



Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 480.407.548.502 | 537.578.101.858 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 21 | 129.679.100 | 28.559.990 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 480.277.869.402 | 537.549.541.868 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 22 | 371.061.341.096 | 429.877.970.594 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 109.216.528.306 | 107.671.571.274 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 322.522.613 | 413.774.972 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 24 | 7.097.642.237 | 12.774.131.461 |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 5.276.627.584 | 9.928.751.413 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 25 | 47.998.690.604 | 47.180.913.419 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 41.366.057.447 | 36.519.173.378 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 13.076.660.631 | 11.611.127.988 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 1.799.689.070 | 2.363.326.189 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 28 | 1.465.803.907 | 1.346.318.089 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 333.885.163 | 1.017.008.100 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 13.410.545.794 | 12.628.136.088 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 29 | 2.759.614.056 | 2.611.368.204 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>10.650.931.738</u> | <u>10.016.767.884</u> |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 30 | 2.029 | 1.908 |



Lương Thị Tú
Người lập biểu



Lương Thị Tú
Kế toán trưởng



Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 522.439.361.698 | 539.628.940.601 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (399.146.734.543) | (409.039.419.822) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (34.660.159.294) | (40.490.022.072) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (5.571.529.796) | (9.624.676.145) |
| 05 | 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (3.134.584.751) | (4.311.416.253) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 9.343.420.030 | 19.546.230.911 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (25.684.318.250) | (36.672.890.783) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 63.585.455.094 | 59.036.746.437 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (4.108.033.728) | (5.230.468.542) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 801.089.395 |
| 27 | 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 85.137.729 | 114.468.239 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (4.022.895.999) | (4.314.910.908) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 302.775.895.765 | 335.057.369.675 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (348.184.613.766) | (374.405.559.043) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (8.456.051.900) | (9.485.132.400) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (53.864.769.901) | (48.833.321.768) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 5.697.789.194 | 5.888.513.761 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 37.433.894.760 | 31.541.158.575 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | 4.222.424 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 43.131.683.954 | 37.433.894.760 |

Lương Thị Tú
Người lập biểu

Lương Thị Tú
Kế toán trưởng



Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương tiền thân là Công ty Vật tư Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3112/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/11/2005 và số 678/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương chính thức đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp kể từ ngày 05/6/2006 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012757 nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4/11/2011, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 145 Hồ Đắc Di - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 52.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 52.500.000.000 đồng; tương đương 5.250.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và mua bán hóa chất, phân bón hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, kiến, gián, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng, giống cây trồng....

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đang thực hiện khai thác thêm việc kinh doanh giống cây trồng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty có các chi nhánh như sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hình thức | Hoạt động kinh doanh chính |
|--------------------------|---|---|----------------------------|
| Các chi nhánh | | | |
| Chi nhánh Hải Phòng | Km 9 Vật Cách, Quán Toan, Hải Phòng | Hạch toán báo số | Như Công ty |
| Chi nhánh Phía Bắc | Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên | Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |
| Chi nhánh Phía Nam | Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh | Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |
| Chi nhánh Đà Nẵng | Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng | Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |
| Chi nhánh Thừa Thiên Huế | Hương Thủy, Thừa Thiên Huế | Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |
| Chi nhánh Quảng Ngãi | Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |
| Chi nhánh Nam Trung Bộ | Tuy Phước, Bình Định | Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |
| Chi nhánh Phú Yên | Tuy Hòa, Phú Yên | Hạch toán báo số | Như Công ty |
| Chi nhánh Tây Nguyên | Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | Chi nhánh Nam Trung Bộ Hạch toán phụ thuộc | Như Công ty |

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty, bao gồm:

Văn phòng Công ty (bao gồm cả sổ hạch toán báo sổ của Chi nhánh Hải Phòng)

Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Phía Nam

Chi nhánh Đà Nẵng

Chi nhánh Thừa Thiên Huế

Chi nhánh Quảng Ngãi

Chi nhánh Nam Trung Bộ (bao gồm cả sổ hạch toán báo sổ của Chi nhánh Phú Yên)

Chi nhánh Tây Nguyên

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|----------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định khác | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không khấu hao |
| - Bản quyền giống cây trồng | 05 năm |

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lãi tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Tiền mặt | 1.697.281.571 | 843.804.417 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 41.434.402.383 | 36.590.090.343 |
| | 43.131.683.954 | 37.433.894.760 |

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty TNHH Đại Ngân CHEMICAL | 322.067.600 | 28.474.762 |
| - Cửa hàng Dịch vụ Vật tư Nông nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật xã Giao Yên | 225.509.217 | - |
| - Nguyễn Ngọc Hùng | 550.491.229 | 202.085.102 |
| - Lê Thị Bánh | 215.133.807 | 44.510.153 |
| - Mai Thanh Nga | 296.329.977 | 47.035.800 |
| - Lại Văn Hoài | 307.707.152 | 566.556.480 |
| - Nguyễn Chí Thắng | 195.399.913 | 268.075.033 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 8.794.704.721 | 24.341.654.756 |
| | 10.907.343.616 | 25.498.392.086 |

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | |
| - Xưởng cơ khí Minh Sơn | 228.300.000 | - |
| - Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Kỹ thuật về Môi trường | 29.129.870 | 28.239.475 |
| - Công ty Cổ phần Địa chính Sao Việt | 81.000.000 | 28.000.000 |
| - Các khoản trả trước cho người bán khác | 89.598.700 | 4.551.856.000 |
| | 428.028.570 | 4.608.095.475 |

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Phải thu về bảo hiểm xã hội | 5.425.280 | - | - | - |
| - Phải thu về bảo hiểm y tế | 1.017.240 | - | - | - |
| - Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp | 678.160 | - | - | - |
| - Tạm ứng | 574.462.431 | - | 750.871.527 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 30.853.120 | - | 30.853.120 | - |
| - Phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia | 734.591.289 | - | - | - |
| - Phí xuất hàng dự trữ quốc gia | 10.909.091 | - | - | - |
| - FMG (ASIA) LIMITED phải thu tiền phí hủy hàng | 473.500.000 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Sơn Thành phải thu tiền phí hủy hàng | 216.299.600 | - | - | - |
| - Phải thu Công ty mua bán nợ và tái sản tồn đọng (chí phí giữ hộ) | - | - | 354.475.839 | - |
| - Phải thu khác | 21.199.182 | - | 865.372.937 | - |
| | 2.068.935.393 | - | 2.001.573.423 | - |

7. NỢ XẤU

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| Công ty Cổ phần Minh Sơn | 509.351.020 | - | 509.351.020 | - |
| Hoàng Văn Thất | 196.207.720 | - | 196.207.720 | - |
| Tùng Lâm | 171.545.672 | - | 171.545.672 | - |
| Phan Thị Ngọc Bích | 240.190.900 | - | 240.190.900 | - |
| Các khoản khác | 316.179.793 | 98.435.938 | 1.437.886.267 | 456.483.697 |
| | 1.433.475.105 | 98.435.938 | 2.555.181.579 | 456.483.697 |

Giá trị có thể thu hồi là chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trừ đi giá trị trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-------------------------|------------------------|----------|------------------------|------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 77.132.543.127 | - | 12.872.171.834 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 440.471.100 | - | 560.377.732 | - |
| - Thành phẩm | 73.227.487.016 | - | 116.861.192.566 | - |
| - Hàng hoá | 4.850.437.150 | - | 48.502.581.728 | (109.268) |
| - Hàng gửi đi bán (*) | 15.089.976.003 | - | 10.910.765.127 | - |
| | 170.740.914.396 | - | 189.707.088.987 | (109.268) |

(*): Hàng gửi bán là các hàng hóa, thành phẩm của Công ty được gửi tại các đại lý.

0100
C
TRÁCH N
HÀNG K
AA
KIẾN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ khác | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 22.319.024.608 | 9.498.108.383 | 21.567.607.340 | 305.458.823 | 868.719.271 | 54.558.918.425 |
| - Mua trong năm | - | 446.181.818 | 257.358.182 | - | - | 703.540.000 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.270.101.000 | - | - | - | - | 1.270.101.000 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (82.419.699) | - | (30.725.455) | (91.705.000) | (204.850.154) |
| Số dư cuối năm | 23.589.125.608 | 9.861.870.502 | 21.824.965.522 | 274.733.368 | 777.014.271 | 56.327.709.271 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.157.001.176 | 6.848.237.347 | 9.838.802.074 | 305.458.823 | 687.419.084 | 30.836.918.504 |
| - Khấu hao trong năm | 1.028.686.517 | 880.816.698 | 1.908.336.319 | - | 68.444.580 | 3.886.284.114 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (82.419.699) | - | (30.725.455) | (91.705.000) | (204.850.154) |
| Số dư cuối năm | 14.185.687.693 | 7.646.634.346 | 11.747.138.393 | 274.733.368 | 664.158.664 | 34.518.352.464 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 9.162.023.432 | 2.649.871.036 | 11.728.805.266 | - | 181.300.187 | 23.721.999.921 |
| Tại ngày cuối năm | 9.403.437.915 | 2.215.236.156 | 10.077.827.129 | - | 112.855.607 | 21.809.356.807 |

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.995.602.500 đồng



10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Giá trị quyền sử dụng đất (*) | Bản quyền giống cây trồng | Cộng |
|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 2.192.394.000 | 2.100.000.000 | 4.292.394.000 |
| - Mua trong năm | - | 2.100.000.000 | 2.100.000.000 |
| Số dư cuối năm | 2.192.394.000 | 4.200.000.000 | 6.392.394.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 326.576.103 | 326.576.103 |
| - Khấu hao trong năm | - | 933.423.897 | 933.423.897 |
| Số dư cuối năm | - | 1.260.000.000 | 1.260.000.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 2.192.394.000 | 1.773.423.897 | 3.965.817.897 |
| Tại ngày cuối năm | 2.192.394.000 | 2.940.000.000 | 5.132.394.000 |

(*) Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 48A Đại lộ Nguyễn Tất Thành, phường 2, thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên với tổng diện tích 149,83 m² đang được sử dụng làm văn phòng của Chi nhánh Phú Yên với nguyên giá là 831.624.000 VND, và tại thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với tổng diện tích 213,11 m² đang được sử dụng làm văn phòng của Chi nhánh Nam Trung Bộ với nguyên giá là 1.360.770.000 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Chi phí thuê địa điểm | 83.000.000 | 119.148.546 |
| - Chi phí mua bảo hiểm | 161.824.951 | 50.239.815 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 350.841.506 | 2.052.975.435 |
| - Khác | 232.459.522 | 47.573.518 |
| | 828.125.979 | 2.269.937.314 |
| b) Dài hạn | | |
| - Chi phí Sửa chữa | 1.367.420.883 | 1.806.187.456 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 1.686.733.977 | - |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác | 95.599.043 | - |
| | 3.149.753.903 | 1.806.187.456 |

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2016 | | Trong năm | | 31/12/2016 | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| - Vay ngắn hạn | 140.404.115.323 | 140.404.115.323 | 302.775.895.765 | 347.084.944.602 | 96.095.066.486 | 96.095.066.486 |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 |
| | 141.503.784.487 | 141.503.784.487 | 303.875.564.929 | 348.184.613.766 | 97.194.735.650 | 97.194.735.650 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn | 2.895.025.069 | 2.895.025.069 | - | 1.099.669.164 | 1.795.355.905 | 1.795.355.905 |
| | 2.895.025.069 | 2.895.025.069 | - | 1.099.669.164 | 1.795.355.905 | 1.795.355.905 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (1.099.669.164) | (1.099.669.164) | (1.099.669.164) | (1.099.669.164) | (1.099.669.164) | (1.099.669.164) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 1.795.355.905 | 1.795.355.905 | | | 695.686.741 | 695.686.741 |

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Hình thức đảm bảo | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|-----------|-----------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh Long Biên | USD | 5,8 đến 6,5% | Tín chấp | - | 3.697.934.770 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Chi nhánh Hà Nội | USD | Theo từng lần nhận nợ | Quyền sử dụng đất | 5.731.213.500 | 1.285.363.200 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây | USD | Theo từng lần nhận nợ | Quyền sử dụng đất | 51.067.205.275 | 60.515.005.490 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Chi nhánh Tây Hà Nội | VND | Theo từng lần nhận nợ | Tín chấp | 8.703.404.711 | 23.388.474.303 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Chi nhánh Hà Thành | USD | Theo từng lần nhận nợ | Tín chấp | - | 13.266.954.360 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Chi nhánh Ba Đình | VND | Theo từng lần nhận nợ | Hàng tồn kho | 16.170.000.000 | 29.004.259.200 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Thăng Long | VND | Theo từng lần nhận nợ | Tín chấp | 13.232.393.000 | - |
| Vay cá nhân | VND | 0,5%/tháng | Tín chấp | 1.190.850.000 | 9.246.124.000 |
| Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | | | | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 |
| | | | | 97.194.735.650 | 141.503.784.487 |

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | Hình thức đảm bảo | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|-----------|-------------------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch | VND | Tại thời điểm giải ngân | 48 tháng từ ngày vay | Tín chấp | 910.411.450 | 1.385.413.954 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đống Đa | VND | Tại thời điểm giải ngân | 36 tháng từ ngày vay | Tín chấp | 884.944.455 | 1.509.611.115 |
| | | | | | 1.795.355.905 | 2.895.025.069 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | | | 1.099.669.164 | 1.099.669.164 |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | | | | | 695.686.741 | 1.795.355.905 |

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| - Công ty TNHH Hưng Hằng | 791.421.002 | 791.421.002 | 1.148.311.225 | 1.148.311.225 |
| - Công ty ITOCHU | 3.196.858.500 | 3.196.858.500 | 1.172.934.000 | 1.172.934.000 |
| - EASTCHEM CO.,LTD | 13.308.258.350 | 13.308.258.350 | 11.728.404.135 | 11.728.404.135 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 9.509.014.915 | 9.509.014.915 | 4.078.288.002 | 4.078.288.002 |
| | 26.805.552.767 | 26.805.552.767 | 18.127.937.362 | 18.127.937.362 |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan | 791.421.002 | 791.421.002 | 1.148.311.225 | 1.148.311.225 |

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Người mua trả tiền trước chi tiết theo đối tượng | | |
| - Nguyễn Thanh Tùng | 982.633.234 | 150.337.589 |
| - Đỗ Đức Khương | 400.000.000 | - |
| - Nguyễn Văn Trường | 312.081.613 | - |
| - Nguyễn Thị Thuyét | 267.380.499 | 465.607 |
| - Lê Thị Thuý - Trại giống Nà Ngụu | 167.999.110 | - |
| - Đỗ Thị Nghĩ | 1.745.199.740 | 1.302.105.200 |
| - Phạm Thị Lan Phương | 350.000.332 | - |
| - Công ty TNHH MTV Giống Vật tư Nông nghiệp Tây Bắc | 358.762.148 | 286.199.999 |
| - Lê Thị Loan | 2.499.998.900 | - |
| - Nguyễn Văn Đoàn | 193.426.210 | 54.200.985 |
| - Nguyễn Thị Tuyết Mai | 285.340.061 | 30.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 1.584.784.284 | 2.445.720.327 |
| | 9.147.606.131 | 4.269.029.707 |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 730.775.755 | 3.955.851.445 | 4.521.656.647 | 125.000 | 165.095.553 |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | - | 440.582.040 | 440.582.040 | - | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 2.052.988.640 | 2.830.254.767 | 3.134.584.751 | - | 1.748.658.656 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 287.188.858 | 1.152.905.889 | 1.131.506.107 | - | 308.588.640 |
| Thuế Tài nguyên | 68.845 | - | 332.460 | 1.200.000 | 936.385 | - |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | - | 736.070.155 | 736.070.155 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 16.837.200 | 16.837.200 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 37.529.611 | 37.529.611 | - | - |
| | 68.845 | 3.070.953.253 | 9.170.363.567 | 10.019.966.511 | 1.061.385 | 2.222.342.849 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 120.878.468 | 415.780.680 |
| - Chi phí phải trả khác (chi phí hội nghị khách hàng, mua hàng...) | 648.661.978 | 1.891.094.947 |
| | 769.540.446 | 2.306.875.627 |

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Kinh phí công đoàn | 48.166.104 | 82.947.957 |
| - Bảo hiểm xã hội | - | 9.410.131 |
| - Phải trả Đảng phí | 15.907.820 | 7.253.384 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 122.990.000 | 122.990.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 94.703.220 | 150.755.120 |
| - Hỗ trợ khách hàng, khuyến mại phải trả khách hàng | 872.086.947 | 2.568.059.240 |
| - Phải trả hàng hóa dự trữ quốc gia giữ hộ (*) | 11.938.817.285 | 13.086.625.142 |
| - Phải trả CBCNV thuế Thu nhập cá nhân thu thừa | 273.292.079 | 205.360.092 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 611.705.135 | 587.383.609 |
| | 13.977.668.590 | 16.820.784.675 |

(*): Đây là giá trị hàng tạm vay từ hàng dự trữ quốc gia tại thời điểm 31/12/2016 (một phần hàng giữ hộ trên thuyết minh số 19).

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 52.500.000.000 | 4.726.360.000 | 14.923.968.895 | 6.130.614.486 | 15.536.229.407 | 93.817.172.788 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 10.016.767.884 | 10.016.767.884 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 989.662.091 | (10.621.563.585) | (9.631.901.494) |
| Tăng quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với thuế được miễn giảm | - | - | - | 424.140.896 | (424.140.896) | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | (68.354.031) | (68.354.031) |
| Số dư cuối năm trước | 52.500.000.000 | 4.726.360.000 | 14.923.968.895 | 7.544.417.473 | 14.438.938.779 | 94.133.685.147 |
| Số dư đầu năm nay | 52.500.000.000 | 4.726.360.000 | 14.923.968.895 | 7.544.417.473 | 14.438.938.779 | 94.133.685.147 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 10.650.931.738 | 10.650.931.738 |
| Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đồng | - | - | - | 977.846.252 | (9.866.769.378) | (8.888.923.126) |
| Tăng quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với thuế được miễn giảm | - | - | - | 238.305.368 | -238.305.368 | - |
| Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế 2015 | - | - | - | - | (70.640.712) | (70.640.712) |
| Số dư cuối năm nay | 52.500.000.000 | 4.726.360.000 | 14.923.968.895 | 8.760.569.093 | 14.914.155.059 | 95.825.053.047 |

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 14/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

| | Tỷ lệ (%) | Số tiền VND |
|--|-----------|----------------|
| Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 | | 10.016.767.884 |
| <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm chuyển về quỹ Đầu tư Phát triển:</i> | | 238.305.368 |
| Lợi nhuận còn lại năm 2015 dùng để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức | | 9.778.462.516 |
| <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i> | 10% | 977.846.252 |
| <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | 5% | 488.923.126 |
| Lợi nhuận còn lại năm 2015 sau khi trích lập các quỹ: | | 8.311.693.138 |
| Lợi nhuận còn lại năm 2014 chuyển sang năm 2015: | | 4.422.170.895 |
| <i>Chi trả cổ tức (bằng 16% vốn điều lệ)</i> | 16% | 8.400.000.000 |
| <i>Chi nộp thuế bổ sung các năm trước theo biên bản quyết toán thuế</i> | | 68.354.031 |
| Lợi nhuận các năm trước còn lại chưa phân phối | | 4.265.510.002 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ (%) | 31/12/2016 VND | Tỷ lệ (%) | 01/01/2016 VND |
|--|-------------|-----------------------|-------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Lam Sơn Thái Bình | 0,00% | - | 4,76% | 2.500.000.000 |
| Doãn Thị Hằng | 5,79% | 3.042.340.000 | 0,00% | |
| Đặng Văn Thông | 16,88% | 8.860.750.000 | 14,92% | 7.830.750.000 |
| Đình Văn Hoạt | 6,34% | 3.330.000.000 | 6,34% | 3.330.000.000 |
| Đặng Quỳnh Trang | 10,63% | 5.578.410.000 | 10,63% | 5.578.410.000 |
| Các cổ đông khác | 60,36% | 31.688.500.000 | 63,35% | 33.260.840.000 |
| | 100% | 52.500.000.000 | 100% | 52.500.000.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|----------------|----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 52.500.000.000 | 52.500.000.000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 52.500.000.000 | 52.500.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 8.400.000.000 | 8.925.000.000 |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | 8.400.000.000 | 8.925.000.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.250.000 | 5.250.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.250.000 | 5.250.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 5.250.000 | 5.250.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.250.000 | 5.250.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 5.250.000 | 5.250.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 8.760.569.093 | 7.544.417.473 |
| | 8.760.569.093 | 7.544.417.473 |

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| a) Tài sản nhận giữ hộ | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-------------------------------|----------------|-----------------------|------------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| - Katana 20SC - Chai 480ml | 28.900 | 6.131.101.187 | 28.900 | 6.131.101.187 |
| - Sutin 50SC - Phuy | - | - | 38.877 | 4.827.669.700 |
| - Tango 800WG - Thùng | 2.500 | 4.391.875.000 | 2.500 | 4.391.875.000 |
| - Victory 300EC - Phuy | 13.730 | 2.627.194.310 | 13.730 | 2.627.194.310 |
| - Fuji-One 40WP - Thùng (Bao) | 44.865 | 3.621.607.144 | 44.865 | 3.621.607.144 |
| - Katana 20SC - Phuy | 7.516 | 3.291.206.000 | 7.516 | 3.291.206.000 |
| - Bassa 50EC - Chai 450ml | 271.642 | 16.373.507.932 | 271.642 | 16.373.507.932 |
| - Sutin 50SC - Chai 100ml | - | - | 194.610 | 2.701.000.000 |
| - Tango 800WG - Gói 1 gram | 399.800 | 845.600.000 | 399.800 | 845.600.000 |
| | 768.953 | 37.282.091.573 | 1.002.440 | 44.810.761.273 |

| b) Ngoại tệ các loại | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------------------|-------------|-------------|
| USD | 19.258 | 19.258 |
| c) Nợ khó đòi đã xử lý | 267.295.404 | 267.295.404 |

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | 479.352.497.579 | 536.631.162.130 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.055.050.923 | 946.939.728 |
| | 480.407.548.502 | 537.578.101.858 |

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Hàng bán bị trả lại | 129.679.100 | 28.559.990 |
| | 129.679.100 | 28.559.990 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 370.614.295.416 | 429.378.209.558 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 447.045.680 | 499.761.036 |
| | 371.061.341.096 | 429.877.970.594 |

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 85.137.729 | 114.468.239 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 237.384.884 | 299.306.733 |
| | 322.522.613 | 413.774.972 |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 5.276.627.584 | 9.928.751.413 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | 19.164.653 | 438.231.040 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1.801.850.000 | 1.636.631.577 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | - | 770.517.431 |
| | 7.097.642.237 | 12.774.131.461 |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.696.429.212 | 9.942.960.897 |
| Chi phí nhân công | 13.301.518.898 | 9.777.163.358 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.467.485.929 | 1.545.200.109 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.001.020.283 | 9.675.671.328 |
| Chi phí khác bằng tiền | 16.532.236.282 | 16.239.917.727 |
| | 47.998.690.604 | 47.180.913.419 |

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.256.044.030 | 1.227.872.735 |
| Chi phí nhân công | 30.290.911.355 | 28.281.387.339 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.401.856.702 | 1.216.722.803 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | (763.658.715) | (1.248.158.742) |
| Thuế, phí, lệ phí | 2.030.866.523 | 1.793.196.775 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.862.840.209 | 1.506.583.351 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.287.197.343 | 3.741.569.117 |
| | 41.366.057.447 | 36.519.173.378 |

27. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | - | 801.089.395 |
| Tiền điện cho thuê kho | 1.417.938.983 | 1.316.000.950 |
| Thu nhập khác | 381.750.087 | 246.235.844 |
| | 1.799.689.070 | 2.363.326.189 |

28. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền điện cho thuê kho | 1.381.688.186 | 1.324.744.090 |
| Các khoản bị phạt | 84.000.756 | 20.822.134 |
| Chi phí khác | 114.965 | 751.865 |
| | 1.465.803.907 | 1.346.318.089 |

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 13.410.545.794 | 12.628.136.088 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 387.524.488 | 324.925.600 |
| - Chi phí không hợp lệ | 387.524.488 | 324.925.600 |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 13.798.070.282 | 12.953.061.688 |
| (1) Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (không bao gồm thu nhập khác) do cổ phần hóa thuế suất 20%: | - | 11.915.268.384 |
| (2) Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi thuế TNDN - thu nhập khác: | - | 1.037.793.304 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% và 22% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.759.614.056 | 2.611.368.204 |
| Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay | 70.640.711 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | 2.052.988.640 | 3.753.036.689 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | (3.134.584.751) | (4.311.416.253) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | 1.748.658.656 | 2.052.988.640 |

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 10.650.931.738 | 10.016.767.884 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 10.650.931.738 | 10.016.767.884 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 5.250.000 | 5.250.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.029 | 1.908 |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 427.060.110.323 | 505.730.567.130 |
| Chi phí nhân công | 42.446.377.388 | 49.108.361.526 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.147.664.687 | 4.051.104.909 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 24.048.390.299 | 12.470.713.255 |
| Chi phí khác bằng tiền | 25.871.141.675 | 25.214.514.535 |
| Tổng chi phí sản xuất kinh doanh | 524.573.684.372 | 596.575.261.355 |

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 43.131.683.954 | - | 37.433.894.760 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 12.976.279.009 | (1.335.039.167) | 27.499.965.509 | (2.098.697.882) |
| | 56.107.962.963 | (1.335.039.167) | 64.933.860.269 | (2.098.697.882) |
| | | | | |
| | | | Giá trị sổ kế toán | |
| | | | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| | | | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | | | 97.890.422.391 | 143.299.140.392 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | | | 40.783.221.357 | 34.948.722.037 |
| Chi phí phải trả | | | 769.540.446 | 2.306.875.627 |
| | | | 139.443.184.194 | 180.554.738.056 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.
Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 43.131.683.954 | - | - | 43.131.683.954 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 11.641.239.842 | - | - | 11.641.239.842 |
| | 54.772.923.796 | - | - | 54.772.923.796 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 37.433.894.760 | - | - | 37.433.894.760 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 25.401.267.627 | - | - | 25.401.267.627 |
| | 62.835.162.387 | - | - | 62.835.162.387 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 97.194.735.650 | 695.686.741 | - | 97.890.422.391 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 40.783.221.357 | - | - | 40.783.221.357 |
| Chi phí phải trả | 769.540.446 | - | - | 769.540.446 |
| | 138.747.497.453 | 695.686.741 | - | 139.443.184.194 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 141.503.784.487 | 1.795.355.905 | - | 143.299.140.392 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 34.948.722.037 | - | - | 34.948.722.037 |
| Chi phí phải trả | 2.306.875.627 | - | - | 2.306.875.627 |
| | 178.759.382.151 | 1.795.355.905 | - | 180.554.738.056 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm | | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; | 302.775.895.765 | 335.057.369.675 |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm | | |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; | (348.184.613.766) | (374.405.559.043) |

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Mối quan hệ | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-------------|-------------------|-------------------|
| Thuê kho | | | |
| Công ty TNHH Hưng Hằng | Cổ đồng | 109.090.910 | 109.090.910 |
| Mua hàng hóa | | | |
| Công ty TNHH Hưng Hằng | Cổ đồng | 15.148.038.780 | 15.157.282.655 |
| Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính | | | |
| | Mối quan hệ | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
| Phải trả | | | |
| Công ty TNHH Hưng Hằng | Cổ đồng | 791.421.002 | 1.148.311.225 |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị | 1.993.270.766 | 2.573.276.066 |

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Thị Tú
Người lập biểu



Lương Thị Tú
Kế toán trưởng



Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2017



